

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 08 năm 2022)



CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 219./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 09 năm 2023)

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày .../.../2023.

1. CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Điện thoại: (0290) 3831608 – (0290) 3838874 Fax: (0290) 3832297 – (0290) 3580827
Website: www.camimex.com.vn Email: cmc@camimex.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 02473.045688
Website: <https://mbs.com.vn/>

3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Hoàng Nghi
Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát
Điện thoại: 0919 109 000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 08 năm 2022)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên trái phiếu:	Trái phiếu CMXH2326001
Loại trái phiếu:	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo
Mệnh giá:	100.000 đồng/trái phiếu
Giá chào bán:	100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng trái phiếu chào bán:	3.000.000 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:	300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)
Kỳ hạn trái phiếu:	03 năm
Lãi suất:	11,2%/năm

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ:	Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội.
Điện thoại:	02473.045688
Website:	https://mbs.com.vn/

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ trụ sở chính:	Số 2 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.
Địa chỉ chi nhánh Cần Thơ:	15-13 đường Võ Nguyên Giáp, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
Điện thoại:	(0292) 376 4995
Website:	www.a-c.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức phát hành	7
2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù ngành	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	12
5. Rủi ro về quản trị công ty.....	12
6. Rủi ro khác	12
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	16
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành	17
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành	18
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	22
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	27
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	30
8. Hoạt động kinh doanh	30
9. Thông tin về cổ đông lớn	45
10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	46
11. Chính sách cổ tức	56
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	56
13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	56
14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	57
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	57
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	57
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	57
2. Tình hình tài chính	60
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành.....	69

4.	Kết quả xếp hạng tín nhiệm.....	71
5.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	71
6.	Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo	72
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	73
1.	Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Camimex Group năm 2022.....	73
2.	Mã trái phiếu: CMXH2326001	73
3.	Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, được bảo đảm bằng tài sản, không kèm chứng quyền và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.	73
4.	Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu	73
5.	Tổng số lượng trái phiếu chào bán	73
6.	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.....	73
7.	Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm.	73
8.	Lãi suất cố định:	73
9.	Kỳ hạn trả lãi, trả gốc	74
10.	Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu	75
11.	Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/châm dứt hoạt động.....	75
12.	Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu.....	75
13.	Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	77
14.	Cam kết về bảo đảm	78
15.	Việc mua lại trái phiếu trước hạn	85
16.	Sự kiện vi phạm.....	86
17.	Phương thức phân phối	90
18.	Đăng ký mua trái phiếu	90
19.	Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu	91
20.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	92
21.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu.....	92
22.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức Phát hành:	92
23.	Các loại thuế có liên quan	92
24.	Thông tin về các cam kết.....	93
26.	Địa chỉ đăng ký	94
27.	Luật điều chỉnh.....	94
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	94
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	95
1.	Kế hoạch sử dụng vốn	95
2.	Kế hoạch trả nợ	95
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	98

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	98
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	Error!
Bookmark not defined.	
XII. PHỤ LỤC	100

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty	27
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 17/04/2023.....	30
Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023	32
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX.....	33
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX.....	33
Bảng 6: Lợi nhuận gộp hợp nhất theo sản phẩm năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX	33
Bảng 7: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX	34
Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021	34
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021	35
Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022	35
Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022	35
Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/06/2023	36
Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/06/2023	36
Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ	37
Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất	37
Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ.....	37
Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất.....	38
Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của CMX trong giai đoạn 2020–2022 và 06 tháng đầu năm 2023	38
Bảng 19: Thuế xuất khẩu tôm Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh	43
Bảng 20: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	45
Bảng 21: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	46
Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021, 2022 và 06 tháng đầu năm 2023.....	58
Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2021, 2022, và 06 tháng đầu năm 2023	58
Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất.....	61
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ.....	61
Bảng 26: Chi tiết các khoản vay của Công ty hợp nhất.....	63
Bảng 27: Chi tiết các khoản vay của Công ty mẹ	66
Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất	66
Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ	66
Bảng 30: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất.....	67
Bảng 31: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ	67
Bảng 32: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất	68
Bảng 33: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ.....	68
Bảng 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất	68
Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ	69
Bảng 36: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023	71

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Văn Tấn	Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Huỳnh Công Nhân	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Ông: Lê Thành Nam Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 13/2023/MBS-UQ ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng số 30/2022/MBS/IBDCM-HĐTV ngày 06 tháng 09 năm 2022 với Công ty cổ phần Camimex Group. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Camimex Group cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

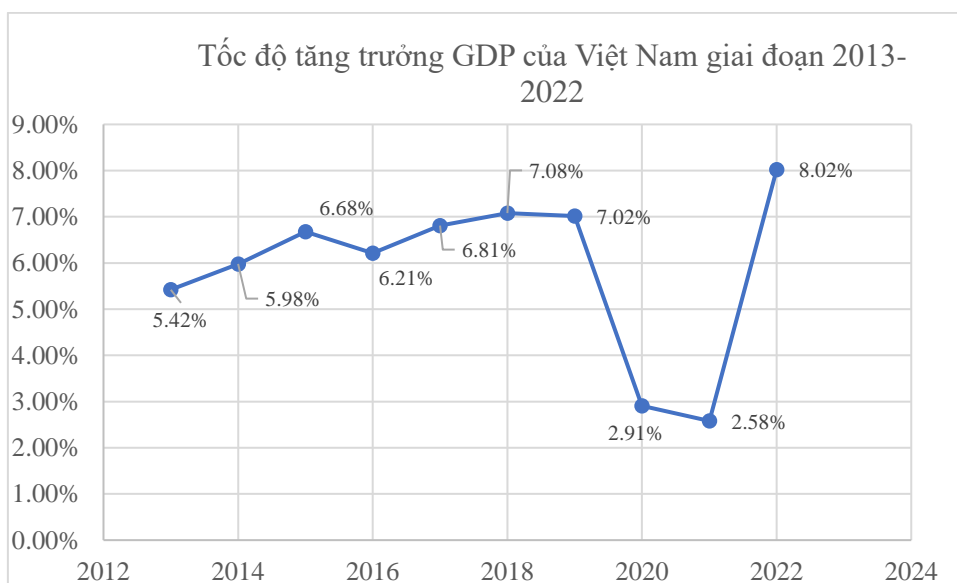
1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid – 19, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 2,58%.

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới ở những năm trước đại dịch. Tại giai đoạn hậu Covid-19, Việt Nam nằm trong nhóm nước được các tổ chức kinh tế thế giới dự báo có GDP tăng trưởng cao từ 6% - 6,5%/năm.

GDP năm 2022 tăng 8,02%, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Tăng trưởng GDP Quý II năm 2023 đạt 4,14% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn 0,86 điểm phần trăm so với mức tăng 3,28% của Quý I/2023.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2022 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của Quốc Gia chiếm từ 4-5% GDP. Từ năm 2015 - năm 2022, sản lượng thủy sản Việt Nam tăng từ 6,56% triệu tấn năm 2015 lên 9,05 triệu tấn năm 2022, tăng 38%. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 57%, khai thác chiếm 43%.

Năm 2023, mục tiêu của kinh tế thủy sản đóng góp 30% GDP trong khối nông - lâm - ngư nghiệp. Tổng sản lượng thủy sản đạt 10 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác thủy sản chiếm 25-30%, sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm 70-75%. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 18-20 tỷ USD.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam nói chung cũng như ngành chế biến thủy sản nói riêng. Tuy nhiên, những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, chiến tranh Nga - Ukraine, các hậu quả do dịch bệnh Covid – 19 gây ra với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

1.2 Rủi ro lạm phát

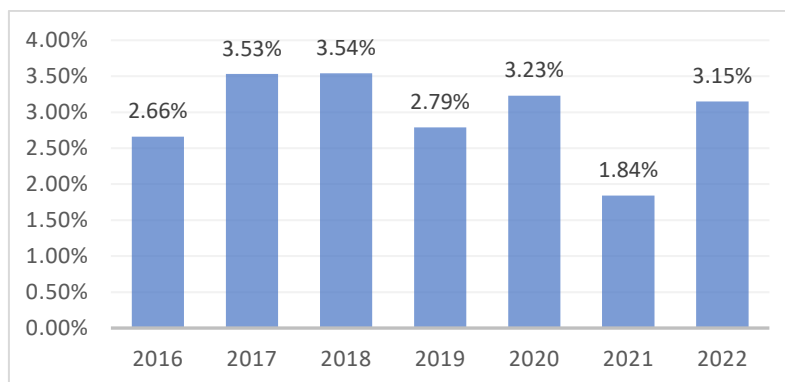
Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong ngành chế biến thủy sản.

Trong những năm gần đây, Chính Phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 3,15% so với cùng kỳ năm 2021 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Giá xăng dầu trong nước liên tục tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới; giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển là những nguyên nhân chủ yếu làm CPI năm 2022 tăng.

CPI bình quân quý II năm 2023 tăng 2,41% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,29%.

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2022 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và kinh doanh chế biến thủy sản nói riêng. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về lạm phát thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Trong năm 2022, theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tăng trưởng tín dụng đạt tốc độ 14,5% so với cuối năm 2021 cao hơn hạn mức tín dụng đã đặt ra đầu năm. Trong khi tín dụng cả năm tăng mạnh, các ngân hàng lại gặp khó trong việc huy động tiền gửi, bất chấp lãi suất huy động liên tục tăng cao, có thời điểm mức lãi suất phổ biến kỳ hạn 12 tháng lên tới 9-10%/năm. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính tới ngày 21/12, tiền gửi chảy vào hệ thống ngân hàng qua kênh tổ chức và dân cư đạt 11,6 triệu tỷ đồng, chỉ tăng khoảng 5,99% so với đầu năm.

Đến 19/06/2023, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định giảm lãi suất tái cấp vốn từ 5% xuống 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5%/năm.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Tại ngày 30/06/2023, tổng nợ vay dài hạn và ngắn hạn của Công ty (theo báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2023) là 1.165 tỷ đồng chiếm 38,06% tổng tài sản. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất tăng làm chi phí tài chính tăng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy sản do đó chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật như sau: Luật Thủy sản, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro luật pháp, Tổ Chức Phát Hành luôn theo dõi các thay đổi về chính sách, kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó...

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro tỷ giá

Do lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Tổ Chức Phát Hành là chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu nên việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân Hàng Nhà Nước cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hiện Ngân Hàng Nhà Nước đang điều hành chính sách tỷ giá linh hoạt và tỷ giá USD/VND thường có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ giá EUR/VND vẫn có thể biến động giảm. Trong khi đó, thị trường các nước liên minh châu Âu (EU) lại là thị trường lớn nhất của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành có thể hạn chế các rủi ro tỷ giá thông qua các hợp đồng phái sinh, bảo hiểm rủi ro tỷ giá, Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo rằng các biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh và triển vọng của Công ty.

3.2. Rủi ro về các thị trường xuất khẩu

Thị trường truyền thống liên minh Châu Âu của Tổ Chức Phát Hành đã và đang áp dụng những quy định khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Các thị trường lớn còn lại như Nhật Bản, Hàn Quốc cũng đang siết chặt thêm các tiêu chuẩn về chất lượng trong nhập khẩu, tăng cường kiểm tra thêm các hoạt chất và dư lượng kháng sinh. Những thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất, thay đổi quy trình do đó làm tăng chi phí của Tổ Chức Phát Hành.

3.3. Rủi ro nguồn nhân lực

Tính chất của ngành chế biến thủy sản là luôn cần một lực lượng lớn lao động sản xuất chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn diễn ra ở mức độ cao, do đó, rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn thường trực. Mặc dù từ trước đến nay, Công ty chưa gặp phải sự cố thiếu hụt lao động, nhưng Công ty luôn chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động. Tuy vậy, Công ty không thể đảm bảo rằng điều này sẽ không xảy ra trong tương lai. Trong trường hợp đó, khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng của Công ty có thể bị ảnh hưởng.

3.4. Rủi ro chung trong ngành thủy sản

Bên cạnh những rủi ro nêu trên, Tổ Chức Phát Hành còn chịu các rủi ro chung liên quan đến ngành thủy sản, bao gồm:

- i. Ảnh hưởng tính chu kỳ của các điều kiện thị trường (quan hệ cung/cầu thị trường ngành thủy sản);
- ii. Vi phạm của khách hàng mua thủy sản;
- iii. Thay đổi các luật về kinh doanh thủy sản, môi trường và các quy định khác của pháp luật dẫn đến việc có thể phát sinh các khiếu kiện, tranh chấp trong tương lai liên quan đến các sản phẩm thủy sản;
- iv. Thay đổi về tính phổ biến của loại hình và địa điểm phát triển nuôi tôm, dẫn đến dư cung hoặc giảm cầu đối với loại tôm cụ thể trên mỗi phân khúc thị trường;

- v. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thủy sản dẫn tới việc giảm giá hoặc khó bán hàng;
- vi. Không thể thu được hoặc thu không đúng hạn các khoản tiền bán hàng do các bên mua bị giải thể, phá sản, mất khả năng thanh toán hoặc vì các lý do khác;
- vii. Hư hỏng liên quan đến các tài sản, công trình hạ tầng cần phải tu sửa, phát sinh các sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành đối với các nhà máy chế biến dẫn đến phát sinh chi phí tăng thêm so với dự toán ban đầu;
- viii. Hòa hoãn, thiên tai, các thiệt hại lớn khác mà bảo hiểm không thể bù đắp đủ các thiệt hại này.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán có thể không thành công như dự kiến

Hiện tại, thị trường trái phiếu có nhiều yếu tố bất lợi do lãi suất tăng cao, thanh khoản kém, niềm tin của nhà đầu tư suy giảm.

Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu và không có gì bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

Rủi ro sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Do đặc thù liên quan đến mục đích chào bán của Trái Phiếu (như được trình bày tại mục VII và mục VIII của Bản Cáo Bạch này), việc sử dụng vốn thu được sẽ phụ thuộc nhiều vào việc Tổ Chức Phát Hành có thể hoàn tất chào bán đúng như thời gian dự kiến. Vì vậy, trong trường hợp vì các lý do khách quan mà việc chào bán bị kéo dài, Tổ Chức Phát Hành có thể sẽ không sử dụng vốn thu được để thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu như kế hoạch dự tính. Tổ Chức Phát Hành sẽ luôn nỗ lực để phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ hoàn tất việc chào bán như dự kiến, tuy nhiên nếu trường hợp như được nêu trên xảy ra, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đến nhà đầu tư và các trách nhiệm có liên quan khác.

5. Rủi ro về quản trị công ty

Quản trị công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát hoạt động công ty trong các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ chức phát hành.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
Công ty/CMX	:	Công ty cổ phần Camimex Group
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty cổ phần Camimex Group
MBS	:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CK	:	Chứng khoán
TSCĐ	:	Tài sản cố định
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
CĐ	:	Cổ đông
ĐVT	:	Đơn vị tính
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
HĐ	:	Hợp đồng
HACCP	:	viết tắt của Hazard Analysis and Critical Control Points, là những nguyên tắc được sử dụng trong việc thiết lập hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. HACCP được nhiều nước trên thế giới quy định bắt buộc áp dụng trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm
GMP	:	là tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn trong cấp phép sản xuất, buôn bán thực phẩm và đồ uống, mỹ phẩm, dược phẩm, thực phẩm chức năng, và thiết bị y tế.
SSOP	:	viết tắt của Sanitation Standard Operating Procedures là Quy trình làm vệ sinh và thủ tục kiểm soát vệ sinh.
BRC	:	là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC) thiết lập vào năm 1998.
BCTC hợp nhất bán niên năm 2023	:	Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
BCTC riêng bán niên năm 2023	:	Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
CBTT	:	Công bố thông tin
CPTPP	:	Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương

FTA	:	Hiệp định thương mại tự do
PD	:	Tôm lột vỏ, lấy chỉ
PTO	:	Tôm lột vỏ, chừa đuôi
HLSO	:	Tôm bỏ đầu nhưng phần vỏ của thân và đuôi để nguyên
CPTO	:	Tôm lột vỏ, chừa đuôi, hấp
CPD	:	Tôm lột vỏ, lấy chỉ, hấp
TOPERDO	:	Tôm tằm bột
HOSO	:	Tôm nguyên con (còn đầu, còn vỏ)
NSB	:	Tôm lột vỏ, chừa đuôi, bóp dãn
¥	:	Đồng Yên

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Công ty đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX GROUP
- Tên Công ty viết tắt: CAMIMEX GROUP
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAMIMEX GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN: Số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006, được thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 08 năm 2022.
- Trụ sở chính: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại: (0290) 3831608 – (0290) 3838874
- Fax: (0290) 3832297 – (0290) 3580827
- Vốn điều lệ: 1.018.989.900.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn không trăm mười tám tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng*).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
Chi tiết: *Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.* – Mã ngành 1020.
- Người đại diện theo pháp luật: Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu: CMX
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Camimex Group là công ty đại chúng niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động với ngành nghề kinh doanh chính “Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản” theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 08 năm 2022.

Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt như sau:

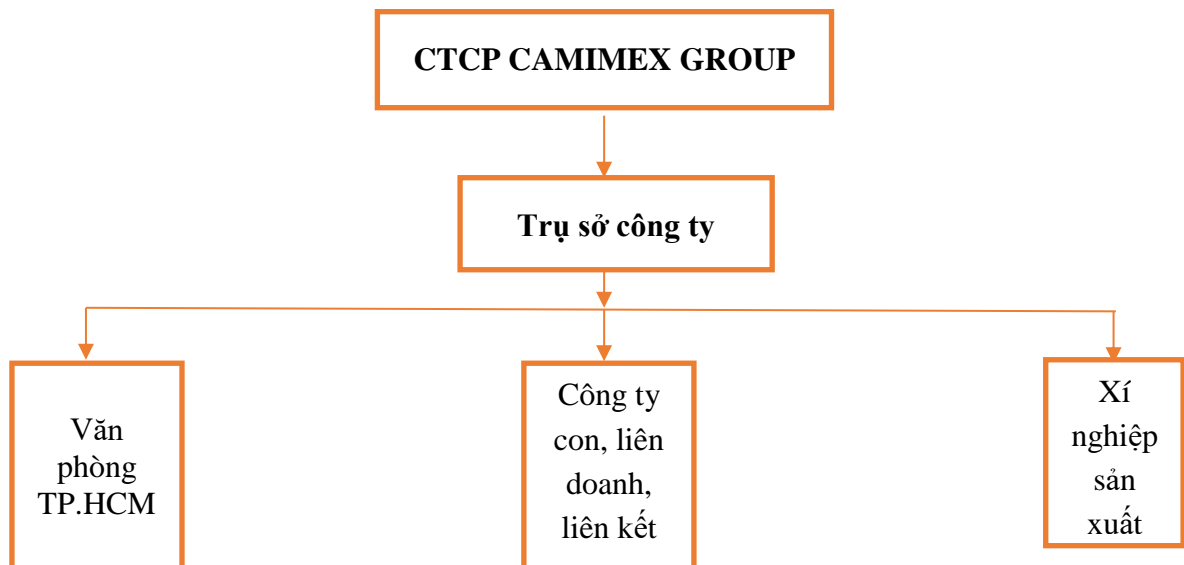
- Năm 1977: CTCP Camimex Group trước đây là Công ty Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau – tiền thân là Xí nghiệp đông lạnh Cà Mau, thành lập ngày 13/09/1977, là Xí nghiệp chế biến thủy sản đầu tiên của tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau) và đứng thứ 25 của ngành thủy sản Việt Nam với công suất ban đầu là 600 tấn/năm.
- Năm 1993: Công ty từ cơ chế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường và nhiều lần thay đổi tên doanh nghiệp để đáp ứng kịp thời sự phát triển của nền kinh tế. Năm 1993, Công ty đổi tên thành “Công ty Chế biến thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau” (tên viết tắt là CAMIMEX).
- Năm 2005: Công ty thực hiện cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành “CTCP Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau”.
- Năm 2010: Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và chính thức giao dịch vào ngày 09/11/2010 với mã chứng khoán CMX.

- Năm 2011: Công ty hoàn tất việc thoái vốn nhà nước và trở thành doanh nghiệp sở hữu 100% vốn đầu tư tư nhân.
- Năm 2015: Camimex là doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ tôn sinh thái toàn diện đầy đủ của Naturland và IMO từ khâu con giống, nuôi trồng, chế biến thành phẩm xuất ra thị trường.
- Năm 2018: Để phù hợp với sự phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thống nhất quyết định đổi tên công ty thành CTCP Camimex Group, tên viết tắt là Camimex Group.
- Năm 2019: Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 264 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Năm 2020: Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, nâng vốn điều lệ từ 264 tỷ đồng lên 304 tỷ đồng.
- Năm 2021, Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu riêng lẻ và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện quyền 1:1).
- Năm 2022, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 1.018.989.900.000 đồng.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành

Hiện nay, Công ty cổ phần Camimex Group hiện có 1 trụ sở Công ty, 01 văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh, 05 công ty con, 02 công ty liên kết, 03 xí nghiệp sản xuất.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: CMX

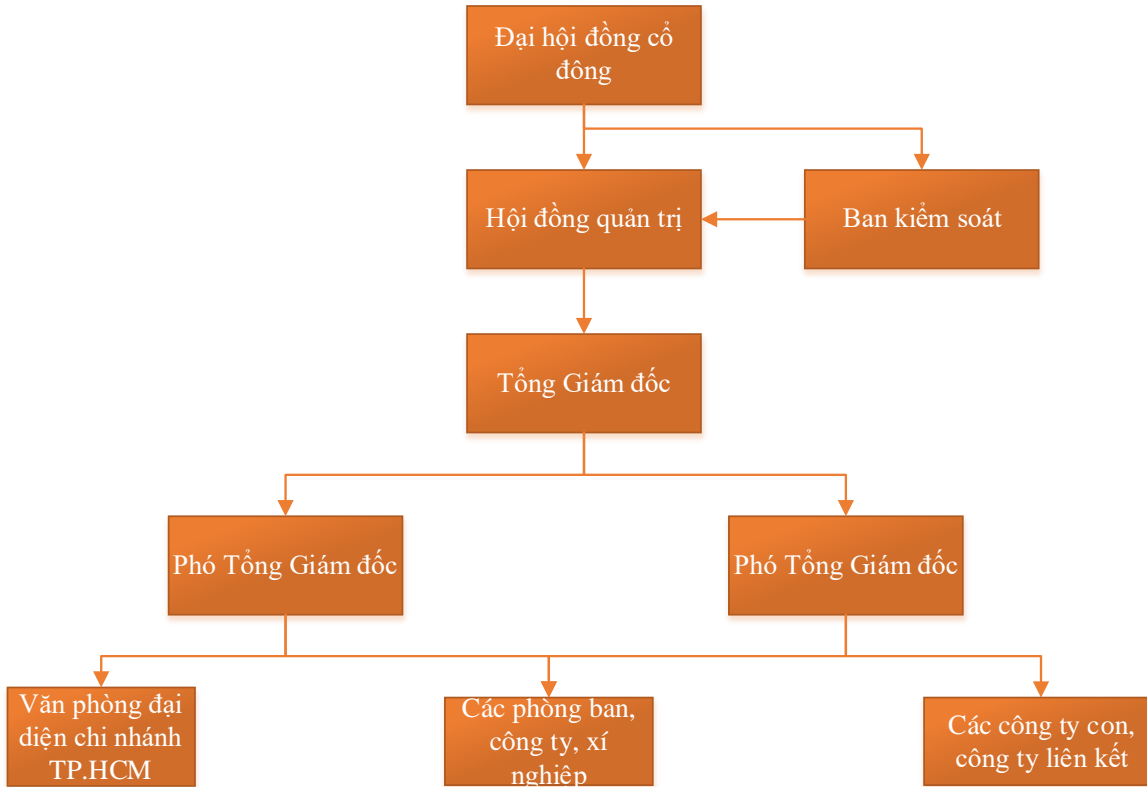
- Trụ sở Công ty: số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Văn phòng TP.Hồ Chí Minh: Số 2, đường số 28, phường An Phú, khu đô thị An Phú An Khánh, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp sản xuất: Xí nghiệp 2 (Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau), xí nghiệp 4 (224 Cao Thắng, Khóm 7, P. 8, Tp. Cà Mau), xí nghiệp 5 (999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà

Mau).

- Thông tin công ty con, công ty liên kết được trình bày tại mục 5.2 và 5.3 Phần IV của Bản Cáo Bạch này.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: CMX

Hiện tại, Công ty cổ phần Camimex Group đang áp dụng theo mô hình tổ chức của công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm 01 (một) lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kế hoạch kinh doanh và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo và các quyền, nghĩa vụ khác được pháp luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

4.2. Hội đồng Quản trị

- HĐQT là cơ quan quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, có đầy đủ quyền hạn quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- HĐQT có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm, định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của

ĐHĐCĐ thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo Pháp luật, nhân danh Công ty để điều hành mọi hoạt động của Công ty hoặc ủy quyền một số lĩnh vực cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm có 01 (một) trưởng ban và 02 thành viên BKS, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Tổ Chức Phát Hành là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản...

4.5. Các phòng ban, xí nghiệp

▪ Ban Kinh doanh

- Đề xuất, ký kết hợp đồng bán sản phẩm công ty cho các đối tác trong và ngoài nước, soạn thảo các văn bản hợp đồng kinh tế và theo dõi thực hiện giao nhận hàng hóa đúng hợp đồng đã ký.
- Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng và cung cấp thông tin hai chiều tạo nên sự hiểu biết và ủng hộ của công chúng đối với thương hiệu và các sản phẩm của Công ty.
- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện kế hoạch sản xuất, số lượng hàng hóa sản xuất, xuất khẩu theo hợp đồng đã ký.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng tháng, quý, năm, nhằm nâng cao sản lượng sản xuất và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.

▪ Ban Quản trị nhân sự tiền lương

- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động đúng theo qui định của Nhà nước. Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thi đua khen thưởng công ty về việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm trưởng phó phòng ban, đề nghị khen thưởng và kỷ luật cán bộ công nhân trong công ty có hành vi vi phạm nội qui lao động và Bộ Luật lao động.
- Phân công và sử dụng lao động khoa học hợp lý, tăng năng suất lao động và có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện chức năng hành chính quản trị như: mở sổ sách theo dõi, quản lý và lưu trữ công văn đi, đến, sao chụp và chuyển công văn đến người thực hiện theo sự phê duyệt chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc công ty.

- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong phạm vi xí nghiệp và các khu vực trực thuộc Công ty quản lý.
- Theo dõi và đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các quyết định chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống bão lụt, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.

▪ **Ban Kế toán – Tài chính**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng qui định của pháp luật.
- Theo dõi công nợ phải thu phải trả, phản ánh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi thanh toán nội bộ, đối ngoại.
- Đối chiếu và tích cực thu hồi các khoản công nợ phát sinh trong nước và nước ngoài, báo cáo kịp thời công nợ dầy dụa khó thu cho Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi trực tiếp các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng trong và ngoài nước, kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện.
- Thực hiện quyết toán quý, sáu tháng, chín tháng, năm theo đúng quy định.
- Tham mưu đề xuất các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động thương mại liên quan đến tôm nguyên liệu, đầu tư tài chính và thực hiện các nhiệm vụ khác mà Công ty được giao trong từng thời kỳ hoạt động.

▪ **Ban Kỹ Thuật**

- Quản lý trang thiết bị máy móc trong toàn Công ty.
- Tổ chức thực hiện các giải pháp kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Phân công công việc cho các phó trưởng phòng, tổ sửa chữa, tổ vận hành. Phối hợp với các xí nghiệp, phòng ban trong công ty để thực hiện công việc chuyên môn kịp thời, linh hoạt, an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng quy trình vận hành, hướng dẫn sử dụng các máy móc thiết bị.
- Theo dõi chặt chẽ tình trạng hoạt động của máy móc thiết bị, lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, trung tu, đại tu nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục.
- Lập kế hoạch hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng về việc bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị máy móc, dụng cụ sản xuất trong toàn Công ty.
- Tiếp nhận báo cáo về tình trạng của trang thiết bị máy móc từ Ban Giám đốc, tổ vận hành các xí nghiệp, phòng ban, thẩm định mức độ hư hỏng và đề ra giải pháp khắc phục, sửa chữa.
- Điều hành công việc sửa chữa trang thiết bị máy móc trong toàn Công ty theo thứ tự ưu tiên tại các xí nghiệp, phòng ban.

▪ **Ban QM**

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện chương trình quản lý chất lượng HACCP; GMP; SSOP,

BRC... và hệ thống chất lượng đạt yêu cầu thực tế và vận hành có hiệu quả.

- Nghiên cứu kiểm tra đề xuất các xí nghiệp việc thực hiện quy trình sản xuất chế biến, điều kiện sản xuất cho phù hợp với yêu cầu để đạt được hiệu quả chất lượng.
- Tham gia xem xét góp ý các dự án đầu tư nâng cấp xây dựng các xí nghiệp về phương diện chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Có nhiệm vụ bảo quản, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát chất lượng mà phòng quản lý.
- Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra vi sinh, kháng sinh hàng ngày từng khâu nguyên liệu được giao đến khâu bán thành phẩm trên từng công đoạn, thành phẩm nhập kho theo đơn đặt hàng, vệ sinh công nghiệp như: nước, nước đá tại các xí nghiệp theo kế hoạch kiểm tra vi sinh định kỳ của phòng.
- Thường xuyên theo dõi kết quả kiểm tra vi sinh, thể hiện đầy đủ các chỉ tiêu thông số theo biểu mẫu, báo cáo phân tích nguyên nhân những lô hàng bị nhiễm (nếu có) và báo cáo Ban Tổng Giám đốc xử lý chấn chỉnh kịp thời.

▪ **Các Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4, Xí nghiệp 5:**

- Tổ chức việc thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các nhà máy chế biến.
- Sản xuất chế biến tôm theo từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên ban HĐQT, ban Tổng giám đốc.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất theo từng ngày/tuần /tháng/quý.
- Tổ chức sản xuất và phân công ca cho công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến sản phẩm trong quá trình hoạt động tại các nhà máy.

4.6. Văn phòng đại diện TP. HCM

- Thực hiện quảng bá sản phẩm của Công ty tới khách hàng;
- Luôn luôn tìm kiếm khách hàng tiêu thụ sản phẩm, đồng thời báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc;
- Đảm nhiệm đại diện giao dịch với các khách hàng trong và ngoài nước tại TP Hồ Chí Minh;
- Thực hiện các chức năng khác Công ty giao.

4.7. Công ty con, công ty liên kết

Thông tin chi tiết công ty con, công ty liên kết của Công ty cổ phần Camimex Group được trình bày tại mục 5.2 và 5.3 Phần IV.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối
- 5.1 Công ty mẹ của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành
Không có
- 5.2 Công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/06/23 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 30/06/23 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 30/06/2023						
Công ty cổ phần Camimex	630.000	630.000	76,69%	76,69%	76,69%	76,69%	76,69%	76,69%
Công ty TNHH Camimex Organic (i)	50.500	50.500	80,55%	99,01%	80,55%	99,01%	80,55%	99,01%
Công ty cổ phần Camimex Logistics	15.000	15.000	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%	86,67%
Công ty cổ phần Camimex Foods (ii)	300.000	300.000	96,08%	99,97%	96,08%	99,97%	96,08%	99,97%
Công ty TNHH Camimex Farm (iii)	453.000	200.000	44,15%	44,15%	86,48%	99,34%	86,48%	99,34%

Nguồn: CMX

Ghi chú:

- Công ty cổ phần Camimex Group nắm giữ 19,8% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Organic và 79,21% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Camimex.
- Công ty nắm giữ 83,3% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty cổ phần Camimex Foods và 16,67% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Camimex.
- Công ty nắm giữ 44,15% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Camimex Farm và 55,19% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Camimex.

5.2.1 Công ty cổ phần Camimex

- Trụ sở:

Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2013, thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 08 năm 2023.
- Điện thoại: 0290 3831608
- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Mã ngành 1020.
- Vốn điều lệ đăng ký: 630.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 30/06/2023: 630.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 76,69%

5.2.2 Công ty TNHH Camimex Organic

- Trụ sở: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 2001014506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2011, thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 12 năm 2020.
- Điện thoại: 0945 139 999
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất giống thủy sản
Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản. Mã Ngành: 0323
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 30/06/2023: 50.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 80,55%

5.2.3 Công ty cổ phần Camimex Logistics

- Trụ sở: 33/3 Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 0315120124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, cấp lần đầu ngày 22 tháng 06 năm 2018, thay đổi lần thứ 02 ngày 26 tháng 11 năm 2020.
- Điện thoại: 0983 400 234
- Ngành nghề kinh doanh: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kinh doanh kho bãi). Mã ngành: 5210
- Vốn điều lệ đăng ký: 15.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 30/06/2023: 15.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 86,67%

5.2.4 Công ty cổ phần Camimex Foods

- Trụ sở: Số 969, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 2001309274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp

lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2019, thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 08 năm 2022.

- Điện thoại: 0945 13 9999
- Ngành nghề kinh doanh: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
Mã ngành 1020.
- Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 30/06/2023: 300.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 96,08%

5.2.5 Công ty TNHH Camimex Farm

- Trụ sở: Ấp Nam Chánh, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 2001353185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp lần đầu ngày 15 tháng 09 năm 2021, thay đổi lần thứ 4 ngày 31 tháng 07 năm 2023.
- Điện thoại: 0983 400 234
- Ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng thủy sản biển. Mã ngành: 0321
- Vốn điều lệ đăng ký: 453.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp tại 30/06/2023: 200.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 86,48%

5.3 Công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/06/23 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 30/06/23 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 30/06/23						
Công ty cổ phần Công nghệ cao Camimex (tên cũ là Công ty TNHH LD Công nghệ cao Camimex)	180.000	68.600	38,11%	33,54%	38,11%	38,11%	38,11%	38,11%
Công ty cổ phần Camimex Quảng Trị	10.000	1.035	49%	49%	49%	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	50.000	12.250	10,57%	10,57%	10,57%	10,57%	24,5%	24,5%

Nguồn: Công ty cổ phần Camimex Group

5.3.1 Công ty cổ phần Công nghệ cao Camimex

- Trụ sở: Ấp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau
- Mã số thuế: 2001322370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau, cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2019, thay đổi lần thứ 03 ngày 28 tháng 07 năm 2023.
- Điện thoại: 0945 13 9999
- Ngành nghề kinh doanh: Nuôi trồng thủy sản biển
Chi tiết: Nuôi tôm. Mã ngành: 0321
- Vốn điều lệ đăng ký: 180.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30/06/2023: 180.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 38,11%
- Tỷ lệ biểu quyết của CMX tại ngày 30/06/2023: 38,11%

5.3.2 Công ty cổ phần Camimex Quảng Trị

- Trụ sở: Trại sản xuất giống thủy sản mặn lợ Cửa Tùng, Thị trấn Cửa Tùng, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 3200698186 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị, cấp lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2019.
- Điện thoại: 0945 13 9999
- Ngành nghề kinh doanh chính: Nuôi trồng thủy sản biển
Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản, Nuôi tôm, Nuôi cá, Nuôi thủy sản khác. Mã ngành: 0321
- Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30/06/2023: 1.050.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 49%
- Tỷ lệ biểu quyết của CMX tại ngày 30/06/2023: 49%

5.3.2 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Năm Căn

- Trụ sở: Khu vực 1, Khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Giấy đăng ký doanh nghiệp: 2000104323
- Điện thoại: (02903) 877146
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- Vốn điều lệ đăng ký: 50.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày: 12.250.000.000 đồng

30/06/2023:

- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ của CMX tại ngày 30/06/2023: 24,5%
- Tỷ lệ biểu quyết của CMX tại ngày 30/06/2023: 24,5%

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
2006	65.000	0	65.000		Vốn điều lệ ban đầu: thời điểm chuyển sang cổ phần ngày 12/01/2006.	- Đại hội đồng cổ đông; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.	Không có
2007	65.000	23.815	88.815	1.625.000	- Chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 4:1) 16.250.000.000 đồng - Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ: 7.565.000.000 đồng	- Đại hội đồng cổ đông; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau	Không có
2008	88.815	4.201,160	93.016,160	420.116	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% vốn điều lệ thực tế	- Đại hội đồng cổ đông; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau	Không có
2009	93.016,160	21.951,810	114.967,970	2.195.181	Tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển	- Đại hội đồng cổ đông; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
2011	114.967,970	17.244,370	132.212,340	1.724.437	Chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% vốn điều lệ	- Đại hội đồng cổ đông; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau	Không có
2020	132.212.340	132.212,340	264.424,680	13.221.234	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Đại hội đồng cổ đông; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.	Không có
2020	264.424,680	39.662,830	304.087,510	3.966..283	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Đại hội đồng cổ đông; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.	Không có
2021	304.087,510	304.087,510	608.175,020	30.408.751	Chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1)	- Đại hội đồng cổ đông; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.	Không có
2021	608.175,020	300.000	908.175,020	30.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	- Đại hội đồng cổ đông; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;	Không có

Ngày tháng	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
						- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.	
2022	908.175,020	110.818,880	1.108.989,900	11.081.488	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Đại hội đồng cổ đông; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau.	Không có

Nguồn: Công ty cổ phần Camimex Group

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 17/04/2023

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	8.757	87.293.848	85,7
1	Cổ đông tổ chức	19	213.400	0,2
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	8.738	87.080.448	85,5
II	Cổ đông nước ngoài	75	14.605.142	14,3
1	Cổ đông tổ chức	15	14.035.218	13,8
2	Cổ đông cá nhân	60	569.924	0,5
III	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
	Tổng cộng	8.832	101.898.990	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 17/04/2023 của Công ty

7.2 Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

7.3 Các loại chứng khoán khác:

- **Trái phiếu thường, không chuyển đổi**

- ✓ Thông tin về các trái phiếu thường mà Công ty mẹ đã phát hành và còn số dư trái phiếu như sau:

TT	Nội dung	Dư trái phiếu (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên (%/năm)	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu	Tài sản Bảo đảm
1	Trái phiếu Công ty CP Camimex Group	100.000	11,5%	22/10/2021	22/10/2023	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và phiếu thường có tài sản bảo đảm phát hành theo hình thức riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động	15.000.000 cổ phần Công ty cổ phần Camimex sở hữu bởi Tổ Chức Phát Hành
	Tổng cộng	100.000					

8. Hoạt động kinh doanh

8.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh





8.1.1 Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Camimex Group là doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và kinh doanh các loại thủy sản, Camimex Group hiện đang sở hữu nhà máy hiện đại đáp ứng được tiêu chuẩn của Mỹ, Châu Âu, Thụy Sĩ về thực phẩm và nuôi trồng thủy sản với các sản phẩm chính như tôm sinh thái, tôm tươi (HOSO), tôm Nobashi,...

Hiện nay, Công ty tiếp tục phát triển nuôi tôm kết hợp với rừng ngập mặn (tôm - rừng) theo hình thức sinh thái, hữu cơ có chứng nhận quốc tế cho sản phẩm sạch, được thị trường chấp nhận sẽ nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, thâm canh (tôm chân trắng) ở những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ để sản xuất tạo khối lượng sản phẩm lớn. Đối tượng nuôi chủ yếu là tôm sú với quy mô lớn, trong vùng quy hoạch để tạo sản phẩm giá trị cao cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Ngoài ra, Công ty đang sở hữu 3 xí nghiệp sản xuất chế biến thủy sản tại Cà Mau với tổng công suất là 15.000 tấn thành phẩm/năm. Trong những năm tới, Công ty tiếp tục đầu tư thêm nhà máy chế biến tôm tại Zone 1 (nhà máy số 1, nhà máy số 3) để nâng công suất chế biến tôm lên 20.000 tấn thành phẩm/năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư vào xây dựng nhà máy cá và kho lạnh ở công ty thành viên.

Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty như sau:

 <p>Tôm sinh thái</p>	<p>Tôm sinh thái là tôm nuôi kháng thuốc tự nhiên không cho thức ăn công nghiệp và không dùng thuốc kháng sinh trên những nông trại rừng Đước tại lâm ngư trường. Tôm được chế biến dưới dạng tươi hay hấp PD, PTO, HLSO...bằng những dây chuyền sản xuất hợp vệ sinh</p>
 <p>Tôm tươi</p>	<p>Tôm nguyên con (HOSO) đông Semi -IQF, tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) đông IQF, tôm lột vỏ chứa đuôi (PTO) đông IQF, PD (tôm lột hết vỏ)</p>
 <p>Tôm hấp</p>	<p>Tôm nguyên con (HOSO) hấp đông IQF, tôm nguyên con xiên que hấp đông IQF, tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) hấp đông IQF, tôm lột vỏ còn đuôi (PTO) hấp đông IQF, PD hấp đông IQF...</p>
 <p>Tôm giá trị gia tăng</p>	<p>Tôm Nobashi, tôm tẩm bột, tôm tẩm bột chiên, tôm trộn gia vị, tôm xé bươm, tôm cuộn bánh tráng, tôm tempura, PD xiên que đông IQF, PD xiên que hấp đông IQF...</p>

❖ Quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

- Quy trình kinh doanh của Công ty cổ phần Camimex Group trong việc nuôi và chế biến tôm xuất khẩu như sau:

(1) Con giống	(2) Vùng nuôi	(3) Chế biến	(4) Xuất khẩu và logistics
Trại giống sinh thái: gần 7 ha	Khu nuôi sinh thái: 300 ha, sản lượng 120 tấn/năm	Công suất: 15.000 tấn/năm. Nhà máy được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, phần lớn nhập khẩu từ châu Âu và Nhật Bản.	Kho lạnh: trên 2.850 tấn thành phẩm tại Cà Mau
408 triệu post/năm	Liên kết nông hộ: 6.034 ha, sản lượng: 1.859 tấn/năm. Diện tích liên kết có thể mở rộng lên 50.000 ha.	Kho vật tư: 1.554 m ² ; Nhân lực: 1.108 công nhân lành nghề	Sản phẩm được xuất khẩu sang 25 quốc gia và vùng lãnh thổ

Nguồn: CMX

- Công nghệ áp dụng: Công ty áp dụng theo các tiêu chuẩn sinh thái Quốc tế như: EU Organic, Biosuisse Organic, Naturland Organic, Canada Organic ...

❖ Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tính thời vụ tương đối, phụ thuộc mùa vụ tôm. Mùa vụ tôm thông thường tập trung từ tháng 4 tới tháng 9 âm lịch hàng năm. Những tháng khác lượng tôm ít nguyên liệu ít hơn. Hiện nay, việc nuôi tôm đã phát triển hơn trước, có thể nuôi 4-5 vụ trên năm và có thể không phụ thuộc mùa vụ chính nếu áp dụng công nghệ cao.

8.1.3. Giá trị sản phẩm qua các năm

❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	06 tháng đầu năm 2023
1	Tôm lăn bột	Kg	1.200.118.956	1.791.304.088	593.714.595
2	Tôm PD	Kg	1.921.160.657	2.046.398.223	1.020.497.241
3	Tôm PTO	Kg	1.301.719.479	1.473.917.629	475.257.526
4	Tôm Nobashi	Kg	437.017.405	688.729.294	126.532.350
5	Tôm HLSO	Kg	1.947.190.212	1.908.642.947	668.520.306
6	Tôm Filo	Kg	7.996.500	6.178.000	2.500
7	Tôm nguyên con	Kg	323.354.279	241.679.880	98.796.625
8	Tôm lột vỏ Block	Kg	320.209.004	330.584.400	25.491.820
9	Tôm xẻ bươm	Kg	24.375.222	21.523.215	9.404.315
10	Cá	Kg	289.339.976	348.342.889	46.999.104
	Tổng cộng		7.772.481.690	8.857.220.565	3.065.216.382

Nguồn: CMX

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

❖ **Doanh thu, lợi nhuận gộp**

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	55.336	2,64%	555.085	19,14%	27.472	3,69%
2	Doanh thu bán thành phẩm	1.970.299	94,11%	2.338.875	80,65%	715.688	96,22%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.011	2,25%	6.148	0,21%	0	0,00%
4	Doanh thu bán phụ phẩm	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
5	Doanh thu cho thuê tài sản	0	0,00%	0	0,00%	680	0,09%
	Doanh thu thuần	2.093.645	100%	2.900.108	100%	743.840	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng	Triệu đồng	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng	190.265	85,98%	155.824	99,29%	99.486	95,29%
2	Doanh thu bán thành phẩm	0	0	0	0	0	0
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.037	14,02%	1.121	0,71%	4.921	4,71%
4	Doanh thu bán phụ phẩm	0	0	0	0	0	0
	Doanh thu thuần	221.302	100%	156.945	100%	104.407	100%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 6: Lợi nhuận gộp hợp nhất theo sản phẩm năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1	Tôm lăn bột	22.675	7,85	55.827	15,56	12.221	8,42
2	Tôm PD	114.160	39,52	103.967	28,97	69.987	48,23
3	Tôm PTO	66.627	23,06	67.667	18,86	37.070	25,55
4	Tôm Nobashi	6.442	2,23	24.853	6,93	3.426	2,36
5	Tôm HLSO	45.159	15,63	32.180	8,97	10.383	7,16
6	Tôm Filo	419	0,15	499	0,14	0	0
7	Tôm nguyên con	6.062	2,10	4.996	1,39	5.674	3,91
8	Tôm lột vỏ Block	9.755	3,38	18.429	5,14	1.547	1,07
9	Tôm xẻ buróm	2.091	0,72	5.467	1,52	1.086	0,75
10	Cá	993	0,34	4.286	1,19	1.141	0,79
11	Khác	14.516	5,02	40.695	11,34	2.563	1,77
	Tổng cộng	288.899	100	358.865	100	145.098	100

Nguồn: CMX

Bảng 7: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2021, 2022, 06 tháng đầu năm 2023 của CMX

Đơn vị: triệu đồng

T T	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần	Triệu đồng	% Doanh thu thuần
1	Tôm lăn bột	0	0	0	0	0	0
2	Tôm PD	0	0	3.869	16,51	0	0
3	Tôm PTO	8.800	42,46	4.185	17,85	0	0
4	Tôm HLSO	2.868	13,84	11.265	48,07	0	0
5	Khác	9.057	43,70	4.118	17,57	13.825	100
	Tổng cộng	20.725	100	23.437	100	13.825	100

Nguồn: CMX

8.2. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2021, 31/12/2022, 30/06/2023 như sau:

Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	625.967.754.237	314.366.151.723	311.601.602.514
Nhà cửa và vật kiến trúc	222.649.195.029	96.073.764.661	126.575.430.368
Máy móc thiết bị	342.342.619.697	190.218.094.525	152.124.525.172
Phương tiện vận chuyển	56.404.757.816	25.216.713.756	31.188.044.060

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Thiết bị văn phòng	4.571.181.695	2.857.578.781	1.713.602.914
Tài sản cố định vô hình	6.104.523.542	5.718.820.851	385.702.691
Quyền sử dụng đất	5.011.413.542	4.917.766.683	93.646.859
Phần mềm	1.093.110.000	801.054.168	292.055.832

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của CMX

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	15.100.000.000	1.622.222.219	13.477.777.781
Máy móc thiết bị	15.000.000.000	1.583.333.327	13.416.666.673
Thiết bị văn phòng	100.000.000	38.888.892	61.111.108

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán của CMX

Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	672.249.973.094	358.816.635.009	313.433.338.085
Nhà cửa và vật kiến trúc	248.069.442.600	112.586.033.599	135.483.409.001
Máy móc thiết bị	363.036.178.248	213.967.565.629	149.068.612.619
Phương tiện vận chuyển	56.328.370.551	29.065.464.822	27.262.905.729
Thiết bị văn phòng	4.815.981.695	3.197.570.959	1.618.410.736
Tài sản cố định vô hình	53.251.118.890	6.400.092.704	46.851.026.186
Quyền sử dụng đất	52.068.008.890	5.394.704.929	46.673.303.961
Phần mềm	1.183.110.000	1.005.387.775	177.722.225

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của CMX

Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	15.100.000.000	2.655.555.551	12.444.444.449
Máy móc thiết bị	15.000.000.000	2.583.333.323	12.416.666.677
Thiết bị văn phòng	100.000.000	72.222.228	27.777.772
Tài sản cố định vô hình	50.855.513.000	1.154.035.012	49.701.477.988
Quyền sử dụng đất (*)	50.855.513.000	1.154.035.012	49.701.477.988

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của CMX

Ghi chú (*): Trong đó, giá trị thu hồi vốn góp bằng quyền sử dụng đất từ Công ty cổ phần Camimex là 49.300.513.000 đồng.

Chi tiết như sau:

Tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần Camimex, ngày 06/06/2013, Công ty CP Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Camimex Group) góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty cổ phần Camimex.

Ngày 07/01/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Camimex Group thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0701/NQ.HĐQT.CMC.2022 ngày 07/01/2022 về việc việc đồng ý thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất thành tiền mặt (giá trị tiền mặt 49.300.513.000 đồng). Đồng thời, ngày 07/01/2022, Công ty cổ phần Camimex đã ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐHĐCĐ.CMC.2022 thông qua việc thay đổi tài sản góp vốn của cổ đông Công ty cổ phần Camimex Group từ quyền sử dụng đất thành tiền mặt. Công ty cổ phần Camimex và Công ty cổ phần Camimex Group đã có biên bản bàn giao tài sản nhận lại vốn góp ngày 07/01/2022. Theo đó, kể từ ngày 07/01/2022 số tài sản trên do Công ty cổ phần Camimex Group chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng. Công ty cổ phần Camimex chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến các tài sản góp vốn để chuyển giao quyền sở hữu và quyền sử dụng các tài sản góp vốn này cho Công ty cổ phần Camimex Group theo đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Công ty cổ phần Camimex hiện đang sử dụng quyền sử dụng đất nêu trên để làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau, với ngày hết hạn hợp đồng tín dụng là ngày 26/09/2023. Do đó, dự kiến sau khi tất toán hợp đồng tín dụng, trong tháng 10/2023, Công ty cổ phần Camimex sẽ hoàn thành việc sang tên các quyền sử dụng đất này cho Công ty cổ phần Camimex Group.

Tài sản là các quyền sử dụng đất nói trên được trích khấu hao theo đúng quy định pháp luật tại điểm 1 (e) Điều 38 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/06/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	717.447.606.446	380.593.032.989	336.854.570.200
Nhà cửa và vật kiến trúc	281.404.649.189	121.397.107.031	160.007.542.158
Máy móc thiết bị	366.734.305.012	226.525.122.316	140.209.179.439
Phương tiện vận chuyển	64.492.670.550	29.305.122.316	35.187.548.234
Thiết bị văn phòng	4.815.981.695	3.365.681.326	1.450.300.369
Tài sản cố định vô hình	53.340.583.890	6.926.250.927	46.414.332.963
Quyền sử dụng đất	52.068.008.890	5.822.741.071	46.245.267.819
Phần mềm	1.272.575.000	1.103.509.856	169.065.144

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/06/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	15.153.218.000	3.174.883.118	11.978.334.882
Nhà cửa và vật kiến trúc	53.218.000	2.660.901	50.557.099

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Máy móc thiết bị	15.000.000	3.083.333.321	11.916.666.679
Phương tiện vận chuyển	0	0	0
Thiết bị văn phòng	100.000.000	88.888.896	11.111.104
Tài sản cố định vô hình	50.855.513.000	1.968.983.596	48.886.529.404
Quyền sử dụng đất	50.855.513.000	1.968.983.596	48.886.529.404
Phần mềm	0	0	0

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

8.3 Thị trường hoạt động

Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Mỹ	77.057	34,82	17.171	10,94	0	0
2	EU	0	0	0	0	0	0
3	Thị trường trong nước	144.245	65,18	139.774	89,06	104.406	100
Tổng cộng		221.302	100,00	156.945	100,00	104.406	100,00

Nguồn: CMX

Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Mỹ	77.057	3,68	17.171	0,59	0	0
2	EU	674.584	32,22	903.061	31,14	399.845	53,75
3	Korea	378.698	18,09	425.208	14,66	106.343	14,30
4	Japan	55.913	2,67	83.863	2,89	22.805	3,07
5	Australia	6.942	0,33	11.564	0,40	3.205	0,43
6	Canada	118.532	5,66	185.420	6,39	103.776	13,95
7	Thị trường nước ngoài khác	131.289	6,27	147.560	5,08	36.258	4,87
8	Thị trường trong nước	650.630	31,08	1.126.261	38,84	71.607	9,63
Tổng cộng		2.093.645	100,00	2.900.108	100,00	743.840	100,00

Nguồn: CMX

Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Mỹ	11.668	56,30	8.053	34,36	0	0
2	EU	0	0	0	0	0	0
3	Thị trường trong nước	9.057	43,70	15.383	66,64	13.825	100,00
Tổng cộng		20.725	100,00	23.437	100,00	13.825	100,00

Nguồn: CMX

Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		06 tháng đầu năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Mỹ	11.668	4,04	8.053	2,25	0	0,00
2	EU	157.966	54,68	151.103	42,11	97.360	67,10
3	Korea	22.089	7,65	52.914	14,74	15.024	10,35
4	Japan	4.622	1,60	14.262	3,97	2.447	1,69
5	Australia	912	0,32	3.698	1,03	452	0,31
6	Canada	21.356	7,39	34.644	9,65	18.315	12,62
7	Thị trường nước ngoài khác	21.661	7,50	30.658	8,55	6.937	4,78
8	Thị trường trong nước	48.626	16,83	63.533	17,70	4.563	3,14
Tổng cộng		288.900	100,00	358.865	100,00	145.098	100,00

Nguồn: CMX

8.4 Các hợp đồng lớn

Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của CMX trong giai đoạn 2020–2022 và 06 tháng đầu năm 2023

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (USD)
I Hợp đồng đầu ra								
1		132631	08/09/2020	PD, CPD, PTO, TOPERDO	Công ty Yuunmee	Úc	2020	129,440
2		06-2020	20/02/2020	PD, PTO, HLSO, TOPERDO	Công ty Coop	Switzerland	2020	2,548,325

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (USD)
3		CAM 2020-04	17/02/2020	PD, PTO, HOSO	Công ty Transgourmet	Switzerland	2020	269,977
4		152IK3120100	20/05/2021	NBS	Công ty Sojitz	Nhật Bản	2021	687,500
5		05102J	17/12/2021	PTO, CPTO, HLISO	Công ty Lagoon	Canada	2021	346,620
6		01274J	03/08/2021	PD	Công ty Rewe	Đức	2021	1,480,000
7		01006K	08/08/2022	HOSO	Công ty Landauer	Pháp	2022	133,440
8		09263K	19/07/2022	CPD, PTO, TOPERDO	Công ty Yuunmee	Úc	2022	150,636
9		02-2022	01/01/2022	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	Công ty Coop	Switzerland	2022	7,839,360
10		01404L	17/04/2023	HOSO, PD	Công ty Seacon	HongKong	2023	192,895
11		01468L	24/04/2023	PD	Công ty Colimpo	HongKong	2023	229,350
12		02263L	21/04/2023	HLSE, CPD	Công ty Yuunmee	Áo	2023	152,375
13		01-2023	01/01/2023	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	Công ty Coop	Switzerland	2023	3.630.070
II	Hợp đồng mua hàng hóa							
1	HĐMB NL	16/HĐNL-2020	02/01/2020	Tôm nguyên liệu	Công ty Liên Hoa	Cà Mau	2020	Hợp đồng nguyên tắc
2	HĐMB NL	13/HĐNL-2020	02/01/2020	Tôm nguyên liệu	Công ty Thiên Mã Quỳnh	Cà Mau	2020	Hợp đồng nguyên tắc
3	HĐMB NL	10/HĐNL-2020	02/01/2020	Tôm nguyên liệu	Công ty Bùi Ngọc Trâm	Cà Mau	2020	Hợp đồng nguyên tắc
4	HĐMB NL	05/HĐNL-2021	02/01/2021	Tôm nguyên liệu	Công ty Thiên Mã Quỳnh	Cà Mau	2021	Hợp đồng nguyên tắc
5	HĐMB NL	01/HĐNL-2021	02/01/2021	Tôm nguyên liệu	Công ty Bùi Ngọc Trâm	Cà Mau	2021	Hợp đồng nguyên tắc
6	HĐMB NL	05/HĐNL-2021	02/01/2021	Tôm nguyên liệu	Công ty Organic	Cà Mau	2021	Hợp đồng nguyên tắc
7	HĐMB NL	04/HĐNL-2022	02/01/2022	Tôm nguyên liệu	Công ty Thiên Mã Quỳnh	Cà Mau	2022	Hợp đồng nguyên tắc
8	HĐMB NL	02/HĐNL-2022	02/01/2022	Tôm nguyên liệu	Công ty Organic	Cà Mau	2022	Hợp đồng nguyên tắc
9	HĐMB NL	01/HĐNL-2022	02/01/2022	Tôm nguyên liệu	Công ty Bùi Ngọc Trâm	Cà Mau	2022	Hợp đồng nguyên tắc
10	HĐMB NL	02/HĐNL-2023	02/01/2023	Tôm nguyên liệu	Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã	Cà Mau	2023	Hợp đồng nguyên tắc

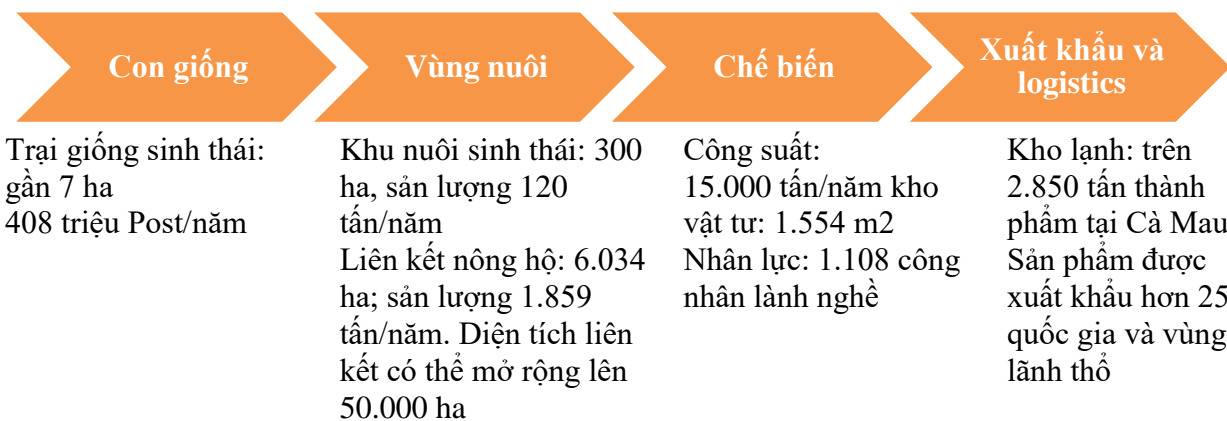
TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (USD)
					Quỳnh			
11	HĐMB NL	01/ HĐNL - 2023	02/01/2023	Tôm nguyên liệu	Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	Cà Mau	2023	Hợp đồng nguyên tắc
12	HĐMB NL	05/ HĐNL - 2023	02/01/2023	Tôm nguyên liệu	Công ty TNHH Thương Mại Kim Ngân Phú	Cà Mau	2023	Hợp đồng nguyên tắc
13	HĐMB NL	04/ HĐNL - 2023	02/01/2023	Tôm nguyên liệu	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Vĩnh Hải	Cà Mau	2023	Hợp đồng nguyên tắc
14	HĐMB NL	01/HĐNL-2023	02/01/2023	Tôm nguyên liệu	Công ty Organic	Cà Mau	2023	Hợp đồng nguyên tắc

8.5 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

8.5.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Hoạt động trong một lĩnh vực tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn và nhỏ với sự cạnh tranh khá gay gắt của ngành thủy sản Việt Nam, Công ty luôn luôn ý thức được ưu thế cạnh tranh của mình trong ngành để từ đó có những kế hoạch hợp lý, những quyết sách đúng đắn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Trải qua hơn 40 năm hoạt động, Camimex không chỉ trở thành đơn vị uy tín trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu tôm mà còn mở rộng được quy mô, tăng hiệu quả hoạt động gắn với phát triển bền vững. Sản phẩm của Công ty đã được các thị trường khó tính đón nhận như Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc. Lợi thế của Camimex là chuỗi giá trị tôm khép kín đem lại giá trị gia tăng cao, cụ thể như sau:

Về chuỗi giá trị tôm khép kín



Về chất lượng sản phẩm

Công ty cổ phần Camimex Group là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới đạt chứng nhận Organic cho một chuỗi sinh thái: từ trại giống sinh thái đến vùng nuôi sinh thái và sản phẩm

sinh thái (từ con giống đến bàn ăn). Công ty cũng là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam đạt chứng nhận Organic này theo Tạp Chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp số 3-2015¹

(1) EU Organic cho chuỗi sản phẩm sinh thái: chứng nhận hữu cơ liên minh châu Âu do Control Union Certifications, chứng nhận sản phẩm tôm sinh thái đảm bảo quy trình nuôi trồng từ con giống đến tôm trưởng thành, nhà máy chế biến tuân thủ theo bộ tiêu chuẩn EU Organic (EC 834/2007 và 889/2008).

(2) Naturland cho chuỗi sản phẩm sinh thái: chứng nhận hữu cơ của hiệp hội Naturland Đức. Để đạt chứng nhận Naturland, ngoài việc hoạt động nuôi tôm đáp ứng các yêu cầu hữu cơ như tiêu chuẩn Organic, doanh nghiệp nuôi tôm còn cần tuân thủ cơ chế quản trị môi trường dựa vào thị trường trong đó bảo vệ rừng ngập mặn là một yêu cầu bắt buộc. Tôm sinh thái được cấp chứng nhận Naturland, Bio Suisse khi xuất khẩu vào thị trường Thụy Sĩ, nhà xuất khẩu sẽ nhận được phần thưởng sinh thái là 5% giá trị đơn hàng từ Chính phủ.

(3) Mật độ thả con giống của Camimex chỉ khoảng 1- 2 con/m² nhỏ hơn rất nhiều so với mức tối đa mà Naturland cho phép 15 con/m².

*Hình 5: Khu nuôi tôm sinh thái Camimex
[Hình 5 được trình bày tại trang tiếp theo]*



Theo Tạp chí Thủy sản Việt Nam, sản phẩm tôm sinh thái có giá bán cao hơn gấp đôi hoặc gấp ba lần tôm nuôi bằng thức ăn công nghiệp thông thường. Do vậy, hiệu quả kinh doanh của tôm sinh thái sẽ cao hơn nhiều tôm công nghiệp.

Lợi thế về công nghệ

Dây chuyền máy móc của CMX liên tục được nâng cấp, áp dụng các cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt, hơn 90% máy móc thiết bị của Công ty được sản xuất theo công nghệ Nhật Bản, làm giảm hao hụt trong quá trình chế biến thành phẩm so với công nghệ đến từ các nước khác. Cụ thể, tỷ lệ hao hụt chưa tới 3% trong khi tỷ lệ trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành lên đến 5%.

Lợi thế về hệ thống khách hàng lớn

Công ty đã có hơn 40 năm hoạt động kinh doanh trong ngành thủy sản được thừa hưởng một mạng lưới khách hàng lớn, đa dạng. Hiện tại, các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó thị trường lớn nhất của Công ty là ở EU (Thụy Sĩ, Đức, Hà Lan...). Nhu cầu của khách hàng hiện tại rất lớn, chỉ riêng một đối tác Thụy Sĩ của Công ty đã ký đơn hàng

¹<https://vnuf.edu.vn/documents/454250/1804458/12%20Tran%20Thi%20Thu%20Ha%20KT%2028.pdf>

35 triệu USD cho năm 2020. Do vậy, Công ty đang tích cực nâng cao công suất để đáp ứng cho các đơn hàng.

Về thị phần sản phẩm của Công ty tại thị trường nội địa và Quốc tế, Công ty không có thông tin chính xác về thị phần của Công ty cổ phần Camimex Group trong ngành.

8.5.2 Triển vọng phát triển ngành

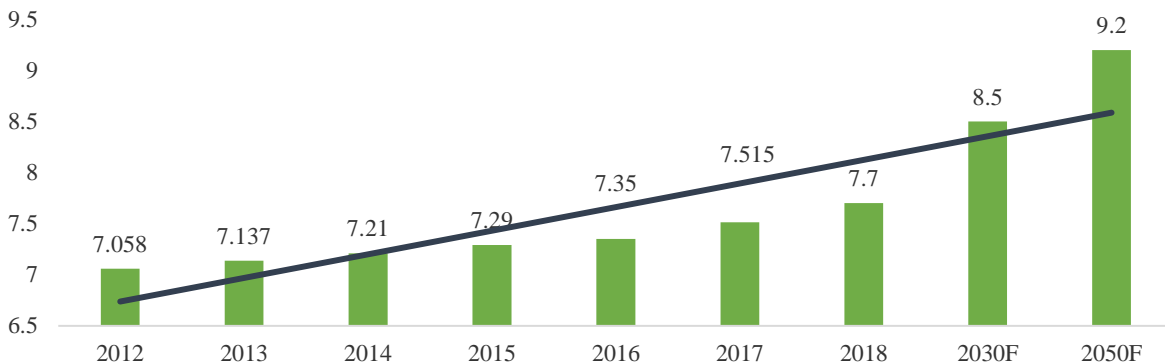
Vị thế ngành tôm Việt Nam

Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Trữ lượng hải sản ở Việt Nam ước tính có khoảng 4,2 triệu tấn và nguồn tái tạo là khoảng 1,73 triệu tấn. Vị trí và điều kiện tự nhiên giúp nước ta có tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản vô cùng lớn.

Năm 2022, trong Hội nghị phát triển ngành tôm năm 2022, diện tích nuôi tôm đạt 750.000 ha, trong đó tôm sú 625.000 ha, tôm thẻ 125.000 ha, sản lượng tôm các loại 980.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu trên 4 tỷ USD (tăng 2,56% so với năm 2021).

Dựa trên báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), đến năm 2050, dân số thế giới sẽ vượt 9 tỷ người. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được duy trì giúp gia tăng tầng lớp trung lưu. Theo đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Nếu tốc độ tiêu thụ vẫn giữ nguyên như hiện nay thì sản lượng thủy sản phải tăng thêm 56% nữa mới đáp ứng đủ nhu cầu.

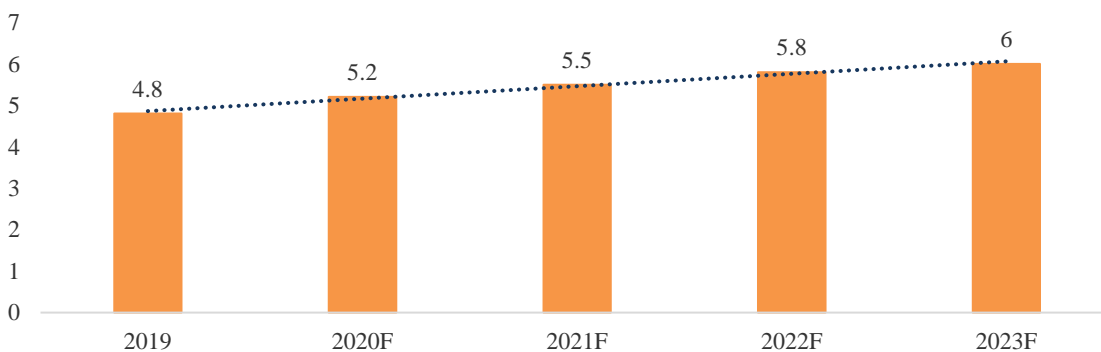
Biểu đồ 1: Dân số thế giới



Nguồn: FAO

Theo dự báo của PShrimp panel estimates, nhu cầu tiêu thụ tôm của thị trường trên toàn thế giới dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng với CAGR khoảng 5,7% trong 5 năm tới.

Biểu đồ 2: Ước tính nhu cầu tiêu thụ tôm thế giới (Đơn vị: triệu tấn)



Nguồn: VASEP, PShrimp panel estimates

Tuy đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng dự báo thị trường xuất khẩu năm nay cũng mở ra nhiều hướng đi mới và tín hiệu tích cực cho nghề nuôi tôm. Trong đó, theo VASEP, dự báo xuất khẩu tôm của Việt Nam sang EU sẽ tăng ở mức khả quan nhất là 15%, đạt 800 triệu USD xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ dự báo sẽ tăng khoảng 7%, đạt mức 700 triệu USD trong năm 2020. Ngoài ra, tại các thị trường lớn khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... vẫn duy trì được mức tăng trưởng ổn định. Cụ thể, xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản sẽ đạt mức khoảng mức 620 triệu USD, Trung Quốc khoảng 600 triệu USD, Hàn Quốc ở mức khoảng 350 triệu USD.

Triển vọng khả quan từ thị trường EU

EU hiện là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam. Năm 2019, lượng tôm xuất khẩu sang EU đạt 696 triệu USD, chiếm 21% tổng kim ngạch. Tháng 8/2020, Hiệp định EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU) chính thức có hiệu lực được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện để xuất khẩu tôm từ Việt Nam tăng trưởng mạnh vào thị trường tiềm năng này. Cụ thể ngay khi EVFTA có hiệu lực, một số mặt hàng tôm Việt Nam xuất khẩu sang châu Âu có mức thuế 12 - 20% sẽ về 0% như tôm sú đông lạnh. Sau 5 - 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, một số mặt hàng tôm khác sẽ được điều chỉnh về 0%, trong khi các đối thủ cạnh tranh tại các quốc gia như Ấn Độ, Thái Lan,... không có được lợi thế này.

Bảng 19: Thuế xuất khẩu tôm Việt Nam và các đối thủ cạnh tranh

Sản phẩm	Việt Nam		Ấn Độ	Ecuado	Indonesia	Thái Lan
	Trước EVFTA	Sau EVFTA				
Tôm sú đông lạnh	4%	0%	4%	12%	4%	12%
Tôm thẻ chân trắng đông lạnh	4%	0%	12%	12%	4%	12%
Tôm chế biến	7%	0%	7%	20%	7%	20%

Nguồn: VASEP

8.5.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức Phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Theo quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính Phủ, Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có một số điểm chính như sau:

- Nuôi trồng thủy sản: Tiếp tục phát triển nuôi hiệu quả các đối tượng chủ lực và các loài thủy sản có giá trị kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tận dụng tiềm năng mặt nước, phát triển nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa, các vùng xâm nhập mặn mới hình thành do biến đổi khí hậu không thể tiếp tục sản xuất nông nghiệp.
- Chế biến và thương mại thủy sản: Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản quy mô hàng hóa lớn, đóng vai trò chủ đạo trong việc dẫn dắt, thúc đẩy phát triển chuỗi sản xuất thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; sớm đưa Việt Nam trở thành trung tâm chế biến thủy sản toàn cầu.

Nắm bắt được triển vọng phát triển của ngành thủy sản nói chung và xuất khẩu tôm nói riêng, song song với đó đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu hiện có của Công ty, Ban lãnh đạo của Camimex đã đề ra phương hướng sản xuất kinh doanh trong những năm tới là:

- Phát triển nuôi tôm kết hợp với rừng ngập mặn (tôm - rừng) Loại hình nuôi tôm - rừng có nhiều tiềm năng và lợi thế của tỉnh Cà Mau, đối tượng nuôi chủ yếu là tôm sú. Phát triển loại hình nuôi tôm - rừng theo hình thức sinh thái, hữu cơ có chứng nhận quốc tế cho sản phẩm sạch, được thị trường chấp nhận sẽ nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển nuôi tôm siêu thâm canh, thâm canh (tôm chân trắng) ở những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi, hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ để sản xuất tạo khối lượng sản phẩm lớn. Phát triển nuôi tôm sinh thái (tôm sú) quy mô lớn, trong vùng quy hoạch để tạo sản phẩm giá trị cao cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và theo thứ tự ưu tiên để đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn; đa dạng hóa hình thức đầu tư và thu hút nguồn vốn từ nhiều thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vào phát triển ngành tôm của tỉnh.
- Đưa khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao (tôm sinh thái, hữu cơ, có chứng nhận v.v.), giảm giá thành sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm, hướng tới không sử dụng hóa chất, kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.
- Áp dụng công nghệ mới, tiên tiến trên thế giới vào chế biến, bảo quản sản phẩm để nâng cao giá trị, chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đáp ứng yêu cầu của các nước nhập khẩu.
- Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết để tạo vùng nguyên liệu lớn, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh tiêu thụ sản phẩm tôm Cà Mau.
- Chủ động sản xuất, kiểm soát chất lượng và tổ chức cung ứng đủ tôm giống đảm bảo chất lượng để phục vụ sản xuất trong tỉnh. Chủ động phát triển công nghiệp phụ trợ, cung ứng vật tư, dịch vụ hậu cần để thúc đẩy ngành tôm trong tỉnh phát triển.
- Phát triển sản xuất gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu sản phẩm tôm Cà Mau đa dạng, đặc sắc trên thị trường thế giới và trong nước

Có thể thấy định hướng phát triển của CMX là khá phù hợp với tình hình hiện nay của ngành thủy sản Việt Nam cũng như xu thế chung trên thế giới.

8.6 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế



8.7 Chiến lược kinh doanh

Trong 05 năm tới, Công ty cổ phần Camimex định hướng phát triển thành tập đoàn với nhiều công ty thành viên, mỗi công ty phụ trách một mảng riêng biệt, độc lập nhưng vẫn liên kết thành chuỗi giá trị, từ con giống tới bàn ăn (mảng nuôi tôm sinh thái, mảng nuôi thủy sản công nghệ cao, mảng chế biến xuất khẩu thủy sản). Một số chiến lược kinh doanh chính như sau:

- Công ty tiếp tục đầu tư, hoàn thiện thêm nhà máy chế biến tôm để nâng công suất chế biến tôm lên 20.000 tấn thành phẩm/năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư vào xây dựng nhà máy cá và kho lạnh ở công ty thành viên.
- Trong thời gian tới, Công ty sẽ cấu trúc lại công ty con (Công ty cổ phần Camimex), cùng với đó tìm kiếm nhà đầu tư cho công ty con để tăng cường tiềm lực tài chính cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.

- Công ty tiếp tục phát triển nuôi tôm kết hợp với rừng ngập mặn (tôm - rừng) theo hình thức sinh thái, hữu cơ có chứng nhận quốc tế cho sản phẩm sạch, được thị trường chấp nhận sẽ nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty liên tục đưa khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, giảm giá thành sản xuất để tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo đáp ứng được yêu cầu khắt khe khi xuất khẩu sang các thị trường tiêu thụ.

Trong vòng 5 năm tới, công ty đạt mục tiêu doanh số 250 triệu USD/năm. Nguồn vốn để nâng cấp mở rộng nhà máy sẽ từ lợi nhuận để lại và huy động thêm từ cổ đông hiện hữu hoặc chiến lược.

8.8 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan, trường hợp Tổ chức Phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

9. Thông tin về cổ đông lớn

9.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 30/06/2023

Bảng 20: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, tỷ lệ sở hữu/VĐL tại thời điểm hiện tại (cổ phần)
1	Bùi Sĩ Tuấn	12/10/1971	Việt Nam	034071003438	12.02 Lô A C/c 974A, Trường Sa, P.12, Q3, TP.HCM	17.948.690 cổ phần tương đương 17,61% vốn điều lệ
2	Bùi Đức Dũng	18/11/1995	Việt Nam	034095009367	12.02 Lô A C/c 974A, Trường Sa, P.12, Q3, TP.HCM	7.734.690 cổ phần tương đương 7,59% vốn điều lệ
3	Hà Văn Bằng	09/09/1975	Việt Nam	034075009935	127/25/4E Cô Giang, P. 01, Phú Nhuận, TP. HCM	17.223.237 cổ phần tương đương 16,90% vốn điều lệ
4	Công ty TNHH ES VINA	21/05/2020	Việt Nam	CC4299	số 7, đường 19, khu đô thị lake view city, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	12.375.700 cổ phần tương đương 12,15% vốn điều lệ
	Tổng cộng					54.147.017 cổ phần tương đương 53,14% vốn điều lệ

Nguồn: CMX

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn Bùi Đức Dũng đối với Tổ Chức Phát Hành như sau: Công ty có khoản phải thu ngắn hạn với ông Bùi Đức Dũng với số dư tại ngày 31/12/2021 là 63,5 tỷ đồng, số dư tại 31/12/2022 là 0 đồng, và số dư tại ngày 30/06/2023 là 0 đồng.
- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn Công ty TNHH ES Vina và của ông Hà Văn Bằng đối với Tổ Chức Phát Hành: không

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn Bùi Sĩ Tuấn đối với Tổ Chức Phát Hành: Như đã trình bày tại mục 10.1.1 mục IV của Bản Cáo Bạch này.

9.2 Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 30/06/2023

Bảng 21: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
1	Bùi Đức Cường	Bùi Sĩ Tuấn	Em ruột	034073004540	1.14 Lô E C/c Tây Thạnh, C4, P. Tây Thạnh, Tân Phú, TP.HCM	4.480.000 cổ phần tương đương 4,40% vốn điều lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
2	Vũ Thị Bích Ngọc	Bùi Sĩ Tuấn	Vợ	024879911	12.02 Lô A C/c 974A, Trường Sa, P.12, Q3, TP.HCM	3.898.000 cổ phần tương đương 3,82% vốn điều lệ	Không có
3	Vũ Thị Bích Ngọc	Bùi Đức Dũng	Mẹ	024879911	12.02 Lô A C/c 974A, Trường Sa, P.12, Q3, TP.HCM	3.898.000 cổ phần tương đương 3,82% vốn điều lệ	Không có

- Lợi ích liên quan của người có liên quan của cổ đông lớn đối với Tổ Chức Phát Hành như sau: Công ty có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn với Công ty cổ phần Camimex mà ông Bùi Đức Cường là thành viên chủ chốt với số dư tại ngày 31/12/2021 là 2,5 tỷ đồng, số dư tại 31/12/2022 là 2,5 tỷ đồng, số dư tại ngày 30/06/2023 là 2,5 tỷ đồng.

Công ty có khoản phải thu với Công ty cổ phần Camimex Foods (Ông Bùi Đức Cường là thành viên chủ chốt) với số dư tại ngày 31/12/2021 là 15,9 tỷ đồng, số dư tại ngày 31/12/2022 và tại ngày 30/06/2023 tương ứng là 117,9 tỷ đồng, và 117,9 tỷ đồng.

10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

10.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT
3	Huỳnh Văn Tấn	Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
4	Nguyễn Trọng Hà	Thành viên HĐQT
5	Đỗ Văn Hải	Thành viên HĐQT

10.1.1 Ông Bùi Sĩ Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Bùi Sĩ Tuấn
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 12.02A Khối A Chung cư cao tầng, phường 12, quận 3, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ 10/2012 đến 01/2013	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 01/2013 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 06/2013 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Camimex
Từ năm 2008 – nay	Thành viên HĐQT tại Công ty cổ phần Vốn Thiên Niên Kỳ

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Camimex Group.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Camimex, thành viên Hội đồng Quản trị tại Công ty cổ phần Vốn Thiên niên Kỳ.
- Số cổ phần nắm giữ: 17.948.690 cổ phần (tương ứng 17,61% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.948.690 cổ phần (tương ứng với 17,61% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Đức Cường	Em trai	4.480.000	4,40
2	Vũ Thị Bích Ngọc	Vợ	3.630.000	3,56
3	Bùi Đức Dũng	Con	7.734.690	7,59

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 72.000.000 VND, thu nhập năm 2022: 72.000.000 VND. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 50.000 cổ phiếu (Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023).

10.1.2 Ông Bùi Đức Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Đức Cường
- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: E114 CC KCN Tân Bình, P. Tân Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ năm 1997 đến năm 2008	Chuyên viên tại CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Từ năm 2009 đến tháng 02/2013	Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Quang Thuận – Ninh Thuận
Từ tháng 06/2013 - 02/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Camimex
Từ tháng 02/2019 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex (tên cũ là Công ty TNHH Camimex)
Từ tháng 06/2013 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Camimex Group

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex Group
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex
- Số cổ phần nắm giữ: 4.480.000 cổ phần (tương ứng 4,40% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.480.000 cổ phần (tương ứng với 4,40% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Sĩ Tuấn	Anh Trai	17.948.690	17,61
2	Vũ Thị Bích Ngọc	Chị Dâu	3.630.000	3,56

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 72.000.000VNĐ. Thu nhập năm 2022: 120.000.000 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 40.000 cổ phiếu (Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023). Tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 40.000 cổ phiếu (Giá mua: 10.000 đồng/cổ phiếu. Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023).

10.1.3 Ông Huỳnh Văn Tấn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Họ và tên: Huỳnh Văn Tấn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Địa chỉ thường trú: 4/10 Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 6, phường 5, Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ năm 2000- 31/12/2001	Nhân viên thị trường Công ty cổ phần Bút bi Thiên Long
Từ 2002-30/06/2013	Cán bộ Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 01/07/2013- 03/2019	Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 14/03/2019 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex
Từ 15/05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex Group

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Camimex Group.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Camimex
- Số cổ phần nắm giữ: 80.000 cổ phần (tương ứng 0,08% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 80.000 cổ phần (tương ứng với 0,08% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành: Thu nhập năm 2021: 292.937.912VNĐ, thu nhập năm 2022: 351.371.663 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 40.000 cổ phiếu (Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023). Tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 40.000 cổ phiếu (Giá mua: 10.000 đồng/cổ phiếu. Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023).

10.1.4 Ông Nguyễn Trọng Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Nguyễn Trọng Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/06/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: kinh
- Địa chỉ thường trú: E114 CC KCN Tân Bình, P. Tân Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán, cử nhân ngoại ngữ

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Năm 1999 - 05/2006	Kế toán tổng hợp Xí nghiệp thủy sản Đầm Dơi
Từ 05/2006 - 12/2006	Kế toán Viettel Cà Mau
Từ 01/2007 - 12/2007	Trưởng phòng bán hàng Viettel Cà Mau
Từ 01/2008 - 08/2011	Phó Giám đốc Kinh doanh Viettel Cà Mau
Từ 09/2011 – 10/2020	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 06/2020 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Camimex Group

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Camimex Group
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần (tương ứng 0,03% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần (tương ứng với 0,03% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 60.000.000VNĐ, Thu nhập năm 2022: 96.000.000 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 15.000 cổ phiếu (Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023). Tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 là 15.000 cổ phiếu (Giá mua: 10.000 đồng/cổ phiếu. Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023).

10.1.5 Ông Đỗ Văn Hải – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên: Đỗ Văn Hải
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/07/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 33 ngõ 192/92 đường Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Năm 1999 đến năm 2006	Trưởng phòng kinh doanh Công ty bảo hiểm BIDV – QBE

Thời gian	Nơi làm việc
Năm 2006 đến năm 2008	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Môi giới bảo hiểm Willis - Grasavoye
Năm 2008 đến năm 2012	Giám đốc kinh doanh Công ty bảo hiểm Hàng không
Năm 2013 đến năm 2017	Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng SHB
Từ 2018 đến nay	Trưởng ban TNG-Holdings Việt Nam
Từ 22/04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Camimex Group

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Camimex Group.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng ban TNG-Holdings Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 0 VNĐ, thu nhập năm 2022: 66.400.000 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 và mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 0 cổ phiếu.

10.2 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Tấn	Tổng giám đốc
2	Bùi Đức Cường	Phó Tổng giám đốc
3	Đặng Ngọc Sơn	Phó Tổng giám đốc

10.2.1 Ông Huỳnh Văn Tấn – Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

10.2.2 Ông Bùi Đức Cường – Phó Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

10.2.3 Ông Đặng Ngọc Sơn – Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên: Đặng Ngọc Sơn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/06/1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 11/50 Nguyễn Hữu Tiến, Tây Thạnh, Tân Phú, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Chế biến thủy sản
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ năm 1981– 1994	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng
Từ năm 1995– 1998	Phó Giám đốc Kỹ Thuật tại CTCP Dầu khí Vũng Tàu
Từ năm 1998– 2001	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
Từ năm 2001– 2005	Giám đốc tại Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu
Từ năm 2005– 2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
Từ tháng 08/2014 – 07/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group
Từ tháng 08/2014 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex Group
Từ tháng 09/2020 đến nay	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Camimex Group

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Camimex
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 294.665.829VNĐ, thu nhập năm 2022: 285.235.509 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 và mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 0 cổ phiếu.

10.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đăng Duẩn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Hoàng Nghị	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Ngọc Bình Thuận	Thành viên Ban kiểm soát

10.3.1 Ông Nguyễn Đăng Duẩn – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Đăng Duẩn
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/07/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 7D Bùi Văn Ba, tổ 27, KP2, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh

- Trình độ chuyên môn: Đại học Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ năm 2002-2007	Chuyên viên tư vấn Công ty Tư vấn Thái Dương
Từ 2007 - nay	Luật sư, trưởng chi nhánh Văn phòng luật sư Prime VN tại TP Hồ Chí Minh
Từ 2011 - nay	Luật sư Công ty TNHH tư vấn Đầu tư Ecolaw
Từ 2015 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 01/07/2013 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex Group;
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex, Luật sư Công ty TNHH tư vấn Đầu tư Ecolaw, Luật sư, trưởng chi nhánh Văn phòng luật sư Prime VN tại TP Hồ Chí Minh.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần (tương ứng 0,0049% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (tương ứng với 0,0048% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 48.000.000VNĐ, thu nhập năm 2022: 72.000.000 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 5.000 cổ phiếu (Giá mua: 10.000 đồng/cổ phiếu. Hạn chế chuyển nhượng 01 năm từ ngày 01/08/2022 đến ngày 01/08/2023). Tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 0 cổ phiếu.

10.3.2 Ông Nguyễn Hoàng Nghĩa – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Nghĩa
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/10/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 8, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh, Trung cấp Kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ năm 2000 - 2002	Công tác tại Công ty cổ phần Chế biến và XNK Cadovimex
Từ năm 2003 – 2006	Công tác tại Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản xuất khẩu Cà Mau
Từ năm 2007 – nay	Công tác tại Công ty cổ phần Camimex Group
Từ 06/2009 - đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Camimex Group

Thời gian	Nơi làm việc
Từ 07/12/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, Nhân viên phụ trách công bố thông tin Công ty CP Camimex Group

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên phụ trách công bố thông tin Công ty cổ phần Camimex Group
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 36.000.000 VNĐ, thu nhập năm 2022: 48.000.000 đồng. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 và mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 0 cổ phiếu.

10.3.3 Ông Nguyễn Ngọc Bình Thuận – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bình Thuận
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/11/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 28, Phan Ngọc Hiền, Khóm 3, Phường 6, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ năm 2000 - 2009	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ năm 2010 - 2011	Phó phòng kế toán Công ty CP Tập đoàn Phú Cường
Từ năm 2011 - 2012	Kế Toán Trưởng CTCP Đầu tư & DV Thương mại Phú Cường
Từ năm 2013 - 2021	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex
Từ năm 2021 - 2022	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Foods
Từ năm 2023 - nay	Phó ban Quản trị Công ty cổ phần Camimex Group
Từ năm 2023 - nay	Thành viên BKS Công ty cổ phần Camimex Group
Từ năm 2023 - nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Foods

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó ban Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex Group
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Foods
- Số cổ phần nắm giữ: 1 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 1 cổ phần (tương ứng với 0,00% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 0VNĐ, thu nhập năm 2022: 0 VNĐ. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 và mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 0 cổ phiếu.

10.4 Kế toán trưởng: Ông Huỳnh Công Nhân – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Huỳnh Công Nhân
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/12/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84 290) 3831608 - 3838874
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 290A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 8, Phường 8, Tp Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc
Từ 11/2001 – 01/2006	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 02/2006 – 01/2007	Kế toán tổng hợp Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 02/2007 – 08/2008	Kế toán trưởng Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 09/2008 – 12/2009	Giám đốc tài chính Công ty CP CBTS XK Minh Hải
Từ 01/2010 – 06/2011	Giám đốc tài chính Công ty CP Phú Cường Jostoco
Từ 07/2011 – 6/2012	Phó tổng giám đốc tài chính Công ty CP Phú Cường Jostoco
07/2012 – 12/2013	Giám đốc Công ty CP Phú Cường Jostoco
01/2014 – 02/2019	Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại Thủy sản Ngân Phú
03/2019 – 12/2019	Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty CP Camimex Group
01/2020 – 10/2020	Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Foods
01/11/2020 – nay	Kế toán trưởng CTCP Camimex Group

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Group
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ). Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ),
 - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thu nhập năm 2021: 339.228.054VNĐ, thu nhập năm 2022: 391.252.097 VNĐ. Cổ tức đã nhận năm 2021 và 2022: 0 đồng. Nhận cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 và mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022: 0 cổ phiếu.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong hai năm 2021, 2022 để tập trung vốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không chi trả cổ tức.

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành trong 3 năm liên tục đều được thanh toán gốc, lãi đúng hạn theo như cam kết với người sở hữu trái phiếu.

13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

Bảng 20: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m ²)
		Từ ngày	Đến ngày		
1	GCNQSD.CT 00515(17/08/2015) - Cà Mau	17/08/2015	08/11/2054	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	14.928,8
2	GCNQSD.CT 00643(28/07/2016) - Cà Mau	28/07/2016	05/11/2064	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6.734,0
3	GCNQSD.CT 05471(15/10//2020) - Cà Mau	15/10/2020	21/05/2043	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	25.448,5
4	GCNQSD.CT 00619(17/05//2016) - Cà Mau	17/05/2016	05/11/2054	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1.325,6
5	GCNQSD.CT 00618(17/05//2016) - Cà Mau	17/05/2016	05/11/2054	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	39,7
6	GCNQSD.CT 31431(24/01//2014) - Cà Mau	24/01/2014	09/04/2048	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	2.292,2
	Tổng cộng				50.768,8

Nguồn: CMX

13.2. Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

- ❖ Cho đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành (Công ty mẹ) có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Bảng 21: Các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành

TT	Nội dung	Dung (triệu VND)	Lãi suất năm đầu tiên (%/năm)	Kỳ trả lãi	Năm phát hành	Đáo hạn	Loại trái phiếu	Tài sản Bảo Đảm
1	Trái phiếu Công ty CP Camimex Group	100.000	11,5	3 tháng/1 lần	2021	2023	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và phiếu thường có tài sản bảo đảm phát hành theo hình thức riêng lẻ để bổ sung vốn lưu động	15.000.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Camimex sở hữu bởi Tổ Chức Phát Hành
	Tổng cộng	100.000						

Nguồn: CMX

Thông tin về trái phiếu CMXH2123001

- Mệnh giá phát hành: 100.000 đồng/trái phiếu
- Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: 1.000.000 trái phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ việc bán Trái phiếu: 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn*)
- Giá chào bán: Bằng mệnh giá
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Kỳ hạn: 2 năm
- Ngày phát hành: 22/10/2021
- Ngày đáo hạn: 22/10/2023
- Lãi trái phiếu: 11,5%/năm.

14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh (ii) tình hình tài chính (iii) đợt chào bán hoặc (iv) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn 2021-2022 và Quý II năm 2023

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021, 2022 và 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm 2022/2021	06 tháng đầu năm 2023
Tổng giá trị tài sản	1.221.167.924.706	1.361.782.389.895	11,51	1.330.949.166.738
Doanh thu thuần	221.302.243.800	156.945.108.923	-29,08	104.406.737.465
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	7.714.649.395	7.224.881.484	-6,35	2.422.943.116
Lợi nhuận khác	2.288.118.654	(2.745.425.747)	-219,99	(517.343.166)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.002.768.049	4.479.455.737	-55,22	1.905.599.950
Lợi nhuận sau thuế	7.303.571.099	3.079.775.130	-57,83	761.832.148
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0	0	0	0

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2021, 2022, và 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm 2022/2021	06 tháng đầu năm 2023
Tổng giá trị tài sản	2.421.584.295.083	2.914.031.558.965	20,34	3.057.752.189.120
Doanh thu thuần	2.093.645.423.310	2.900.107.663.090	38,52	743.839.556.593
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	95.487.793.578	112.935.183.022	18,27	57.849.552.667
Lợi nhuận khác	3.659.077.906	(6.882.214.442)	-288,09	(847.612.385)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	99.146.871.484	106.052.968.580	6,97	57.001.910.282
Lợi nhuận sau thuế	83.524.189.680	90.878.785.482	8,81	48.221.430.788
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0	0	0	0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

❖ Thuận lợi:



Về nguyên liệu:

- Công ty ở gần vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu... nên Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất. Việc lựa chọn nhà cung cấp là một tiêu chí góp phần làm ổn định về nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm.
- Công ty sở hữu vùng nuôi tôm sinh thái tại Mũi Cà Mau, ngoài ra Công ty còn liên kết với hơn 1.000 nông hộ nuôi với tổng diện tích trên 6.000 ha nên góp phần chủ động trong việc cung cấp nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào cho Công ty sản xuất.
- Việc mua tôm nguyên liệu với số lượng lớn, thanh toán đầy đủ và đúng hạn tạo được mối quan hệ và uy tín cùng có lợi giữa Công ty và các đối tác cung ứng nguyên liệu. Vì vậy Công ty luôn nhận được sự tín nhiệm từ phía các nhà cung ứng nguyên liệu.

Về sản xuất chế biến:

- Công ty tập trung đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị gia tăng như: tôm tằm bột, nobashi, IQF... và các mặt hàng có giá trị cao như tôm sinh thái.
- Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư hiện đại, có tỷ lệ hao hụt thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều.
- Đầu tư máy móc thiết bị cho các xí nghiệp theo công nghệ mới, đủ đáp ứng các yêu cầu khắt khe của các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật, Mỹ, Hàn Quốc...
- Công ty luôn lấy chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong quá trình sản xuất và phát triển của Công ty.
- Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm được quy định nghiêm ngặt, đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm được đào tạo và giàu kinh nghiệm.

Về tiêu thụ sản phẩm và xúc tiến thương mại:

- Với uy tín thương hiệu trên 40 năm và chất lượng sản phẩm được đảm bảo, Công ty đã và đang tiêu thụ sản phẩm làm ra tại nhiều nước trên thế giới. Hiện tại, Công ty đã có nhiều khách hàng chiến lược tiêu thụ lớn, ổn định và lâu dài.
- Trong các năm vừa qua công ty đã tham gia nhiều hội chợ trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng và các hoạt động trên đã đem lại nhiều hiệu quả lớn, tạo cơ hội cho khách hàng hiểu biết nhiều hơn về công ty, củng cố mối quan hệ làm ăn lâu dài với khách hàng cũ truyền thống, đồng thời ký hợp đồng thêm với nhiều khách hàng mới, chủ động ký kết những đơn hàng lớn mang lại hiệu quả cao.

Về tổ chức quản lý:

- Thủy hải sản là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, do vậy Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát triển như hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ nông dân nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ xuất khẩu thủy sản.
- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực giúp cho các doanh nghiệp thủy sản nói chung và Camimex nói riêng được giảm thuế nhập khẩu về 0%, giúp tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU. Đồng thời, Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn do dư lượng kháng sinh cao. Tại thị trường Nhật Bản, việc Việt Nam

gia nhập CPTPP cũng hỗ trợ cho Camimex xuất khẩu sang thị trường này.

- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến tôm các loại. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài.

❖ **Khó khăn**

Về dịch bệnh:

- Nhu cầu tiêu thụ giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 và trong bối cảnh thu nhập giảm
- Hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển gặp nhiều gián đoạn do tăng cường biện pháp kiểm soát khiến chi phí bán hàng, logistics tăng cao...

Về giá bán:

- Sự mất giá đồng Euro và đồng ¥ gây khó khăn cho Công ty khi xuất khẩu vào thị trường EU và thị trường Nhật Bản. Tỷ giá biến động thất thường cũng gây ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược của Công ty.
- Giá tôm nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh trong quá trình thu mua nguyên liệu.

Về thị trường tiêu thụ:

- Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên thị trường xuất khẩu chủ yếu tại thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc... Đây là những thị trường khó tính và luôn có những quy định khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung các chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư lượng kháng sinh. Thời gian qua các thị trường này đã hạn chế nhập hàng loạt các mặt hàng thủy sản từ Việt Nam. Do đó, đây là một khó khăn rất lớn cho Công ty, nếu không tuân thủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm thì các nước nhập khẩu sẽ rất khó khăn khi vào các thị trường này.
- Thị trường Nhật Bản 100% lô hàng tôm Việt Nam đều bị kiểm tra thay vì chỉ 30% như thường lệ. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã cảnh báo việc dư lượng nitrofurans trong tôm. Tại Mỹ, tất cả tôm nhập khẩu vào nước này phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của chương trình giám sát nhập khẩu thủy hải sản nhập khẩu vào Mỹ (SIMP). Trong khi đó, Australia cũng chưa gỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu tôm và thịt tôm chưa nấu chín từ các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 6/7/2017.

Về vốn:

- Vốn cần để mua tôm nguyên liệu lớn, nguồn vốn của công ty còn hạn chế, trong khi ngân hàng cung cấp hạn mức cho vay đối với các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (ngày 31/12/2022): Không.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Tình hình công nợ

- ❖ Tổng số nợ phải thu của Công ty hợp nhất tại 31/12/2022 là 918 tỷ đồng; tổng số nợ phải thu của riêng Công ty tại 31/12/2022 là 266 tỷ đồng. Tổng số nợ phải thu của Công ty hợp nhất tại 30/06/2023 là 522 tỷ đồng. Tổng số nợ phải thu của riêng Công ty tại 30/06/2023 là 222 tỷ đồng
- ❖ Tổng số nợ phải trả của Công ty hợp nhất tại 31/12/2022 là 428 tỷ đồng; tổng số nợ phải trả của riêng Công ty tại 31/12/2022 là 219 tỷ đồng. Tổng số nợ phải trả của Công ty hợp nhất tại 30/06/2023 là 451 tỷ đồng. Tổng số nợ phải trả của riêng Công ty tại 30/06/2023 là 172 tỷ đồng.

2.1.1.1 Các khoản phải thu

Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	824.272.213.520	909.934.183.149	524.833.563.957
Phải thu khách hàng	550.542.124.149	768.530.921.269	288.550.769.090
Trả trước người bán	70.412.709.215	135.975.443.248	211.312.271.875
Các khoản phải thu khác	5.137.114.260	6.442.952.736	25.715.657.096
Phải thu về cho vay ngắn hạn	200.000.000.000	840.000.000	1.110.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.819.734.104)	(1.855.134.104)	(1.855.134.104)
Các khoản phải thu dài hạn	8.750.672.000	8.497.059.124	1.030.000
Tổng cộng	833.022.885.520	918.431.242.273	524.834.593.957

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	232.530.507.632	266.259.459.934	222.355.744.524
Phải thu khách hàng	72.380.331.300	135.149.860.329	124.115.878.651
Trả trước người bán	153.237.532.906	120.118.588.231	86.266.472.480
Các khoản phải thu khác	80.000.000	11.928.448.978	12.910.830.997
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.770.081.030	0	0
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(937.437.604)	(937.437.604)	(937.437.604)
Các khoản phải thu dài hạn	1.132.000.000	56.250.000	0
Tổng cộng	233.662.507.632	266.315.709.934	222.355.744.524

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

- Thông tin về các khoản phải thu quá hạn của Công ty hợp nhất như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	30/06/2023	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây Dựng Hưng Long (Trả trước người bán)	739.361.500	739.361.500	Trên 3 năm	Năm 2015 Ứng nâng cấp sửa chữa phân xưởng, xí nghiệp 2,4 không đạt nên không nghiệm thu	0
Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (Trả trước người bán)	628.757.406	628.757.406	Trên 03 năm	Năm 2012 Công trình lắp đặt dở dang do cổ phần hóa doanh nghiệp xảy ra tranh chấp chất lượng giữa các bên không nghiệm thu, không đòi lại được tiền ứng	0
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Huy Hoàng (Trả trước người bán)	149.193.000	149.193.000	Trên 03 năm	Năm 2012 Sửa chữa kho Q7 phạt chậm tiến độ	0
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	337.822.198	337.822.198	Trên 03 năm	Năm 2014– 2018 ứng mua bán thành phẩm, thuốc sử dụng cho ao nuôi tôm Kiên Giang, ứng giám sát lắp đặt 2 cửa đóng mở nhanh, Ứng cung cấp vật tư cho máy nén dùng trong kho lạnh, Ứng kiểm tra siêu âm bình áp lực, cọc bê tông đúc sẵn. Các hạng mục dịch vụ công trình này không đạt chất lượng nên không nghiệm thu.	0
Tổng cộng	1.855.134.104	1.855.134.104			0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

- Thông tin về các khoản phải thu quá hạn của Công ty mẹ như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	30/06/2023	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu (Trả trước người bán)	628.757.406	628.757.406	Trên 03 năm	Năm 2012 Công trình lắp đặt dỡ dang do cổ phần hóa danh nghiệp xảy ra tranh chấp chất lượng giữa các bên, không nghiệm thu, không đòi lại được tiền ứng	0
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Huy Hoàng (Trả trước người bán)	149.193.000	149.193.000	Trên 03 năm	Năm 2012 Sửa chữa kho Q7 phạt chậm tiến độ.	0
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	159.487.198	159.487.198	Trên 03 năm	Năm 2016- 2018 Ứng mua bán thành phẩm, thuốc sử dụng cho ao nuôi tôm Kiên giang, Các hạng mục này không đạt chất lượng nên không nghiệm thu	0
Tổng cộng	937.437.604	937.437.604			0

Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

2.1.1.2 Các khoản phải trả

❖ Vay ngắn và dài hạn

Bảng 26: Chi tiết các khoản vay của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
I	Vay ngắn hạn	579.507.302.928	1.061.984.874.177	1.143.050.705.536
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	8.970.000.000	8.720.000.000	23.920.000.000
1.1	Các cá nhân liên quan	8.970.000.000	8.720.000.000	13.520.000.000
1.2	Vay Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	0	0	0

TT	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
1.3	Vay Công ty cổ phần Camimex Foods	0	0	0
1.4	Vay Công ty cổ phần Công nghệ cao Camimex	0	0	0
1.5	Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú	0	0	10.400.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả tổ chức và cá nhân khác	570.537.302.928	832.261.073.630	1.119.130.705.536
2.1	Vay ngắn hạn ngân hàng	498.675.325.080	722.850.886.478	909.326.526.393
	Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	153.464.922.570	109.448.954.018	186.776.457.000
	Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	154.602.231.603	145.022.989.776	150.082.131.822
	Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	78.762.175.100	68.653.332.473	78.632.667.980
	Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv)	31.363.117.926	25.194.608.495	18.203.851.665
	Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(v)	43.281.860.321	36.777.037.830	26.868.137.500
	Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Cà Mau ^(vi)	37.201.017.560	110.111.322.386	123.274.453.457
	Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	0	0	0
	Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	0	197.672.641.500	200.067.630.000
	Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ^(viii)	0	25.000.000.000	0
	Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau ^(ix)	0	4.970.000.000	0
	Vay Ngân hàng WOORIBANK	0	0	35.512.500.000

TT	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
	Vay Ngân hàng Kaskornbank - CN TP.HCM	0	0	79.908.696.969
	Ngân hàng VIETBANK	0	0	10.000.000.000
2.2	Vay ngắn hạn các tổ chức/cá nhân khác	54.147.000.000	109.410.187.152	91.793.762.519
	Công ty TNHH Phát triển Vgrowth	10.000.000.000	5.027.582.600	0
	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	44.147.000.000	104.382.604.552	91.793.762.519
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	17.714.977.848	221.003.800.547	118.010.416.624
3.1	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	10.283.801.848	16.722.207.944	15.967.292.054
3.2	Vay dài hạn đến hạn trả	7.431.176.000	5.548.995.000	2.394.260.000
3.3	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	0	198.732.597.603	99.648.864.570
II	Vay dài hạn	228.429.731.428	27.268.070.957	22.121.223.766
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	32.707.575.311	27.268.070.957	22.121.223.766
	Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau	6.597.461.000	3.768.466.000	2.621.336.000
	Vay Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	0	0	0
	Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	6.830.000.000	4.110.000.000	0
	Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.175.114.311	2.833.159.330	0
	Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	7.105.000.000	16.556.445.627	19.499.887.766
2	Trái phiếu	195.722.156.117	0	0
	Trái phiếu thường dài hạn	195.722.156.117	0	0
	Tổng cộng	807.937.034.356	1.089.252.945.134	1.165.171.929.302

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 27: Chi tiết các khoản vay của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
I	Vay ngắn hạn	19.757.040.000	0	133.811.390.838
1	Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	0	0	0
2	Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	19.757.040.000	118.866.987.056	133.811.390.838
2.1	CN QHTPT Cà Mau nguồn ODA	0	0	0
2.2	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Cà Mau	19.757.040.000	19.770.779.121	19.862.010.000
2.3	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	0	99.096.207.935	99.648.864.570
2.4	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	0	0	14.300.516.268
3	Vay dài hạn đến hạn trả	0	0	0
II	Trái phiếu	97.981.734.610	0	0
	Trái phiếu	97.981.734.610	0	0
	Tổng cộng	117.738.774.610	118.866.987.056	133.811.390.838

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

❖ **Trái phiếu chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Như đã trình bày tại điểm 13 mục IV của Bản Cáo Bạch này.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Các khoản phải trả ngắn hạn	315.146.405.782	427.219.957.066	446.963.372.265
Phải trả cho người bán	180.668.714.743	271.362.284.439	284.965.690.255
Người mua trả tiền trước	2.910.417.717	2.689.320.646	7.651.304.532
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	16.658.000.747	22.152.650.869	26.271.498.507
Phải trả người lao động	8.861.997.130	14.766.608.919	11.271.300.518
Chi phí phải trả	6.880.759.614	7.323.954.507	3.051.481.454
Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.166.515.831	108.925.137.686	113.752.096.999
Các khoản phải trả dài hạn	450.000.000	613.200.000	450.000.000
Tổng cộng	315.596.405.782	427.833.157.066	447.413.372.265

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
Các khoản phải trả ngắn hạn	93.201.146.682	218.898.476.474	172.359.017.387
Phải trả cho người bán	4.555.750.599	128.034.679.808	79.157.503.593
Người mua trả tiền trước	0	0	0
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	3.412.994.720	5.102.335.141	7.241.184.689
Phải trả người lao động	290.852.179	331.080.163	469.811.725
Chi phí phải trả	2.312.639.876	2.444.496.030	2.283.879.949
Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.919.761.487	82.985.885.332	83.206.637.431
Các khoản phải trả dài hạn	450.000.000	450.000.000	450.000.000
Tổng cộng	93.651.146.682	219.348.476.474	172.809.017.387

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tại thời điểm 31/12/2022 và 30/06/2023, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

❖ **Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và công ty con:**

Không có.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp theo luật định khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm cả giá trị gia tăng áp dụng là 10%. Công ty thanh toán các khoản phải nộp đầy đủ và đúng hạn đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022, 30/06/2023 như sau:

Bảng 30: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.499.632.711	19.563.082.774	23.946.681.050
2	Thuế giá trị gia tăng	1.461.321.029	1.139.643.546	180.200.564
3	Thuế thu nhập cá nhân	681.197.807	995.560.630	1.139.166.774
4	Thuế tài nguyên	15.849.200	6.553.200	10.609.600
5	Các loại thuế khác	0	447.910.719	994.840.519
Tổng cộng		16.658.000.747	22.152.750.869	26.271.498.507

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 31: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.836.028.872	3.942.863.410	5.086.631.212
2	Thuế thu nhập cá nhân	576.965.848	873.897.586	1.039.866.073
3	Thuế giá trị gia tăng	0	0	180.200.564
4	Các loại thuế khác	0	285.574.145	934.486.840
Tổng cộng		3.412.994.720	5.102.335.141	7.241.184.689

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Hàng năm, CMX trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau

Bảng 32: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	542.933.836	479.579.319	479.579.319
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.895.051.916	1.895.051.916	1.895.051.916
Tổng cộng		2.437.985.752	2.374.631.235	2.374.631.235

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

Bảng 33: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

T	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	542.933.836	479.579.319	479.579.319
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.015.051.916	1.015.051.916	1.015.051.916
Tổng cộng		1.557.985.752	1.494.631.235	1.494.631.235

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2023 đã được soát xét của CMX

❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2022)**

Không có

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Nội dung	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,93	1,44
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,97	0,79
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,47	52,13
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	86,83	108,88
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,46	2,77

Nội dung	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	1,07	1,09
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	vòng	1,57	1,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	3,99	3,13
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	9,01	6,75
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	4,27	3,41

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của CMX

Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Nội dung	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	2,08	0,91
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	2,08	0,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	17,42	24,91
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,09	33,17
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	0	0
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,24	0,12
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	vòng	1,70	0,57
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	3,30	1,96
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	1,08	0,30
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	0,79	0,24

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của CMX

3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ đối với báo cáo kiểm toán độc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 số 4.0168/22/TC-AC ngày 30/03/2023

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh

ngành Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ ***Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ đối với báo cáo kiểm toán độc lập báo cáo tài chính riêng năm 2021 số 4.0167/22/TC-AC ngày 30/03/2022.***

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

❖ ***Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ đối với báo cáo kiểm toán độc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 số 4.0171/23/TC-AC ngày 22/03/2023***

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ ***Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ đối với báo cáo kiểm toán độc lập báo cáo tài chính riêng năm 2022 số 4.0170/23/TC-AC ngày 22/03/2023***

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Như đã trình bày tại thuyết minh số V.9 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm Công ty đã thay đổi hình thức góp vốn vào Công ty cổ phần Camimex từ góp bằng quyền sử dụng đất sang góp bằng tiền. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện thủ tục chuyển lại quyền sử dụng các lô đất này sang tên Công ty theo quy định của pháp luật.

Chi tiết tại phần ghi chú () tại khoản 8.2 mục IV của Bản Cáo Bạch này.*

❖ ***Kết luận của Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ đối với báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 4.0291/23/TC-AC về việc BCTC hợp nhất bán niên năm 2023.***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

❖ **Kết luận của Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Cần Thơ đối với báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 4.0290/23/TC-AC về việc BCTC riêng bán niên năm 2023.**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Theo Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm số 01-C16-2023 do Công ty cổ phần FiinGroup ban hành ngày 30/06/2023, kết quả xếp hạng tín nhiệm dài hạn của Công ty cổ phần Camimex Group là BB, triển vọng ổn định.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 36: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023	
		Số liệu năm 2023 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	2.900	3.053	5,31
Lợi nhuận sau thuế	91	103	13,19
Vốn điều lệ (*)	1.019	1.019	0,00
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (*)	3,13	3,38	7,99
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (*)	8,92%	10,13%	13,57%
Tỷ lệ cổ tức	0	0	0

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của CMX.

Ghi chú: Chỉ tiêu này không được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành nhưng đã được Ban lãnh đạo Công ty tính toán và ước tính dựa trên các số liệu khác được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành.

Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên

Theo Báo cáo Triển vọng Nông nghiệp của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), mức tiêu thụ thủy sản bình quân đầu người của thế giới dự kiến là 21,2kg vào năm 2030, tăng so với mức trung bình là 20,5kg vào năm 2018-2020.

Tôm tiếp tục là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu tôm năm 2022 tăng trưởng 14% so với năm 2021, thiết lập mốc kỷ lục mới về giá trị kim ngạch 4,3 tỷ USD. Ngành chế biến thủy sản xuất khẩu đón nhận nhiều cơ hội tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu tăng cao sau đại dịch Covid -19, các nền

kinh tế mở cửa trở lại cũng như hưởng lợi thế khi được hưởng các ưu đãi của Hiệp định CPTTP và EVFTA.

Nhận định được tiềm năng của ngành, Công ty đã hoàn thiện nhà máy số 5, nâng tổng công suất từ 15.000 tấn thành phẩm/năm lên hơn 20.000 tấn thành phẩm/năm đáp ứng nhu cầu từ các thị trường Mỹ, châu Âu.

Mặt khác, nằm trong kế hoạch tái cơ cấu, Công ty cổ phần Camimex Group dự kiến sẽ thoái dần theo tiến độ khoảng 10.000.000 cổ phần Công ty cổ phần Camimex. Đây là nguồn doanh thu từ hoạt động tài chính mang đến lợi nhuận tốt cho Công ty trong năm 2023.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Camimex Group cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Camimex Group ổn định và có tiềm năng phát triển. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2023 có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của Trái Phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Hiện nay, Tổ Chức Phát Hành chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng nào khác trong vòng 3 năm tiếp theo.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

- Tên trái phiếu:** Trái phiếu CMXH2326001
- Mã trái phiếu:** CMXH2326001
- Loại trái phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền.

Tính chất: là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.

Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành;
- Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào.

4. Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán

- Số lượng trái phiếu chào bán: 3.000.000 trái phiếu;
- Số đợt phát hành: 01 đợt.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.

7. Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm.

8. Lãi suất cố định:

8.1. Lãi suất

Lãi suất cố định: 11,2%/năm.

8.2. Tiền lãi

- Trái phiếu sẽ được hưởng lãi cho giai đoạn từ và gồm cả Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu này (gọi chung là “Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu”).
- Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu trừ khi tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào ngày đó không phù hợp với Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu này.

- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * \text{Số ngày dư nợ thực tế})/365$$

Trong đó, số ngày dư nợ thực tế (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và (ii) đối với mỗi Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Hạn Trả Lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó.

- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Phát Hành phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * 150\% * \text{Số ngày quá hạn thực tế})/365$$

Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

9.1. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Hạn Trả Gốc: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Trừ khi được mua lại trước hạn theo Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ đáo hạn và tiền gốc sẽ được thanh toán bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

9.2. Thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu

Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSD).

- Gốc lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn có liên quan thông qua VSD vào tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi, tiền phạt đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Thanh Toán/ Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, lãi (gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và tiền phạt sẽ được tính theo Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu liên quan.
- Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi, Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu liên quan cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.

- Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho một lần thanh toán mới nhận được tiền thanh toán trong lần thanh toán đó.
- Thanh toán vào Ngày Làm Việc.

Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán).

10. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu

11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

12. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu

12.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ Trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSD sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

a) Quyền Sở Hữu

Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSD, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định VSD và SGDCK;

b) Quyền giao dịch Trái Phiếu

- Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chi tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;
- Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Kiện trên, Tổ Chức Phát Hành không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;
- Việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSD, các quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;

- v. Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào;

c) Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu đối với Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- i. Ít nhất 18 (mười tám) Ngày Làm Việc trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Mua Lại theo thỏa thuận hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo Ngày Chốt Danh Sách trên trang thông tin điện tử chính thức của mình để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó;
- ii. Việc thanh toán gốc lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, VSD, các quy định trong Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;

d) Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo đúng các quy định của Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu;

e) Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu.

12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy đăng ký mua Trái Phiếu;
- c) Lập tức hoãn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- d) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có sự thay đổi/chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành);
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực và hiệu lực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
- f) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- g) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

- h) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu;
- i) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;
- j) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

12.3. Các quyền, lợi ích, nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu.

13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Cho đến khi nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Những Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành (“**Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu**”).

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định **Công ty cổ phần Chứng khoán MB**, với các thông tin được nêu ở phần đầu của Bản Cáo Bạch này, làm Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu tại Ngày Phát Hành. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đăng ký mua và trở thành Những Người Sở Hữu Trái Phiếu, được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu như vậy.

Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị Định 155 về việc Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu không thuộc một trong số các đối tượng sau: (i) tổ chức bảo lãnh thanh toán của Tổ Chức Phát Hành, (ii) bên sở hữu tài sản bảo đảm của Trái Phiếu hoặc (iii) cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành.

Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền và trách nhiệm của mình theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị Định 155 và có các nhiệm vụ cơ bản như được nêu sau đây:

- Ký kết và thực hiện Hợp Đồng Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01/2023/BHA/CMX-MBS ngày 17/04/2023 với Tổ Chức Phát Hành và bất kỳ văn kiện Trái Phiếu nào khác có liên quan mà Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Thay mặt những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan;
- Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; báo cáo cho UBCKNN trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Triệu tập và tổ chức hội nghị Những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

- Ký biên bản Hội nghị Những Người Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ng nghị quyết của những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- Nhận và thông báo cho các bên liên quan các nội dung như được quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và các bên có liên quan khác thực hiện các quyết định của Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các quyết định/ng nghị quyết của những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- Tạo điều kiện cho những Những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu mà Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

14. Cam kết về bảo đảm

14.1. Phương thức bảo đảm toàn bộ gốc và lãi trái phiếu: bảo đảm bằng tài sản.

14.2. Tài Sản Bảo Đảm

Tại Ngày Phát Hành, Tài Sản Bảo Đảm của Trái Phiếu bao gồm 34.871.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Camimex (mã chứng khoán: CMM) được sở hữu bởi các Bên Bảo Đảm như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

TT	Họ và tên của Bên Bảo Đảm	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu CMM (“Cổ Phiếu Thẻ Chấp”) (cổ phiếu)	Giá trị Tài Sản Bảo Đảm (đồng) (i)	Hợp đồng thế chấp cổ phần số	Cam kết của Bên Bảo Đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm
1	Bùi Sĩ Tuấn	034071003438	17/08/2016	Cục CS ĐKQL CT&DLQG về DC	12.02A, Chung cư Cao Tầng, P12, Q3, TP. HCM	986.000	11.343.679.011	02/2023/MB S/IBDCM-HĐCCCP ngày 17/04/2023	02/2023/CV-BĐ ngày 17/04/2023	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/06/2023
2	Nguyễn Xuân Toán	030083008798	04/07/2018	Cục CS ĐKQL CT&DLQG về DC	T1A30.10 Masteri Thảo Điền, Q2, TP.HCM	2.000.000	23.009.490.895	03/2023/MB S/IBDCM-HĐCCCP ngày 17/04/2023	03/2023/CV-BĐ ngày 17/04/2023	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/06/2023
3	Vũ Tiến Đạt	34091005053	01/10/2017	Cục CS ĐKQL CT&DLQG về DC	Bồ Xuyên, TP. Thái Bình, Thái Bình	3.000.000	34.514.236.342	04/2023/MB S/IBDCM-HĐCCCP ngày 17/04/2023	04/2023/CV-BĐ ngày 17/04/2023	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/06/2023
4	Hà Văn Bằng	034075009935	10/07/2021	Cục trưởng CCS QLHC về TTXH	127/25/4E Cô Giang, P1, Phú Nhuận, TP. HCM	2.800.000	32.213.287.252	05/2023/MB S/IBDCM-HĐCCCP ngày 17/04/2023	05/2023/CV-BĐ ngày 17/04/2023	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/06/2023
5	Vũ Thị Bích Ngọc	024879911	24/07/2008	TPHCM	12.02A, Chung cư Cao Tầng, P12, Q3, TP. HCM	1.085.000	12.482.648.810	06/2023/MB S/IBDCM-HĐCCCP ngày 17/04/2023	06/2023/CV-BĐ ngày 17/04/2023	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/06/2023
6	Công ty CP Camimex Group	2000103908	12/01/2006	Sở KHĐT Cà Mau	333 Cao Thắng, P8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	25.000.000	287.618.636.183	01/2023/MB S/IBDCM-HĐCCCP	01/2023/CV-BĐ ngày 17/04/2023	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch

TT	Họ và tên của Bên Bảo Đảm	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu CMM (“Cổ Phiếu Thẻ Chấp”) (cổ phiếu)	Giá trị Tài Sản Bảo Đảm (đồng) (i)	Hợp đồng thế chấp cổ phần số	Cam kết của Bên Bảo Đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu	Văn bản xác nhận đã đăng ký giao dịch bảo đảm
								ngày 17/04/2023		bảo đảm ngày 16/06/2023
	Tổng cộng					34.871.000	401.181.978.493			
	Tổng cộng (sau khi làm tròn)						401.180.000.000			

(i) Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính toán dựa trên chứng thư thẩm định giá số 1204.06/2023/ANDUONG -CT do Công ty cổ phần Đầu tư và Định giá An Dương phát hành ngày 12/04/2023.

Các Cổ Phiếu Thẻ Chấp nêu trên được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Trái Phiếu CMXH2326001 và không bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác.

Tổ Chức Nhận Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm là:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

14.3. Cam kết bảo đảm

- (i). Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm cam kết tạo lập và duy trì các biện pháp bảo đảm cần thiết để đảm bảo rằng tại bất kỳ thời điểm nào trong khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu tuân thủ quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu. Tại mọi thời điểm Nhà Đầu Tư hoàn tất thực hiện thanh toán tiền mua Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm Tỷ Lệ Bảo Đảm không thấp hơn 130%(Một trăm ba mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 1) và không thấp hơn 80% (Tám mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 2).

Để làm rõ, phương pháp định giá Cổ Phiếu Thế Chấp là: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được xác định bằng bình quân giản đơn giá đóng cửa theo phương pháp giao dịch khớp lệnh của: 40 (bốn mươi) ngày giao dịch trước Ngày Định Giá (“**Cách Xác Định 1**”), hoặc 05 (năm) ngày giao dịch trước Ngày Định Giá (“**Cách Xác Định 2**”) theo quy định cụ thể tại các Hợp Đồng Bảo Đảm và/hoặc Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (tùy từng trường hợp áp dụng).

Ngày Định Giá có nghĩa là bất ngày nào mà Tài Sản Bảo Đảm được định giá định kỳ, hoặc định giá lại hàng ngày, hoặc định giá lại bất thường theo các quy định chi tiết tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (“Ngày Định Giá”).

Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu được xác định tại mỗi Ngày Định Giá theo công thức sau:

$$\text{Tỷ Lệ Bảo Đảm} = \frac{S + FS}{O - C - FC} \times 100\%$$

trong đó:

- **S:** Tổng giá trị Cổ Phiếu Thế Chấp xác định theo biên bản định giá;
 - **FS:** Tổng giá trị Tài Sản Hình Thành Trong Tương Lai không bao gồm Quyền nhận cổ tức bằng tiền;
 - **O:** Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành và được chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;
 - **C:** là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi;
 - **FC:** Tài Sản Hình Thành trong tương lai là Quyền nhận cổ tức bằng tiền.
- (ii). Tại bất kỳ thời điểm định giá định kỳ hoặc định giá lại hàng ngày nếu Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 130% (Một trăm ba mươi phần trăm)(khi áp dụng Cách Xác Định 1) hoặc thấp hơn 80% (Tám mươi phần trăm)(khi áp dụng Cách Xác Định 2) mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) gửi thông báo yêu cầu Tổ Chức Phát Hành hoặc các Bên Bảo

Đảm có liên quan bổ sung Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm sau khi bổ sung Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn 130% (Một trăm ba mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 1) và không thấp hơn 80% (Tám mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 2). Thời gian bổ sung Tài Sản Bảo Đảm là 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đưa ra yêu cầu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm (“**Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm**”). Trong thời gian bổ sung, nếu do biến động thị trường các tỷ lệ này vượt ngưỡng yêu cầu, thì được xem là một trong các phương án đã được Tổ chức phát hành khắc phục.

- (iii). Tại bất kỳ thời điểm định giá định kỳ hoặc định giá lại hàng ngày, nếu Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm lớn hơn hoặc bằng 150% (Một trăm năm mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 1), thì Tổ Chức Phát Hành hoặc các Bên Bảo Đảm có quyền yêu cầu giải chấp một phần Tài Sản Bảo Đảm để Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm giảm xuống không thấp hơn 130% (Một trăm ba mươi phần trăm). Trong thời gian 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và Tổ Chức Phát Hành và hoặc bên Bảo Đảm hoàn tất xác định giá Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và hoặc Bên Bảo Đảm phải hoàn tất việc thông báo rút Tài Sản Bảo Đảm cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm. Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm được xác định theo nguyên tắc sau:

Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm là tỷ lệ được xác định tại mỗi kỳ định giá theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ Tài Sản Bảo Đảm} = \frac{S}{O-C} \times 100\%$$

Trong đó:

S: Tổng giá trị Cổ Phiếu Thế Chấp xác định theo biên bản định giá.

O: Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;

C: là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi;

Để làm rõ, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ phản hồi cho Tổ Chức Phát Hành và Bên Bảo Đảm về giá trị Tài Sản Bảo Đảm được quyền rút trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

14.4 Phương án xử lý Tài Sản Bảo Đảm

Trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm, nếu Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (các) Bên Bảo Đảm không hoàn tất việc bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đảm khi Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 130% (Một trăm ba mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 1) hoặc thấp hơn 80% (Tám mươi phần trăm) (khi áp dụng Cách Xác Định 2) thì Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ được phép tiến hành bất kỳ hành động nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm cho là phù hợp, cần thiết hoặc nên làm phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn hoặc khắc phục bất kỳ vi phạm nào nêu trên. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm phải chịu trách nhiệm hoàn trả/bồi

thường bất kỳ thiệt hại, phí, tổn hại nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đã bỏ ra để ngăn chặn hoặc khắc phục hành vi vi phạm nào nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn việc toàn quyền đề nghị Công Ty Lưu Ký Chứng Khoán đóng/mở chức năng rút/chuyển tiền trên Tài Khoản Lưu Ký Chứng Khoán, và toàn quyền bán Cổ Phiếu Thế Chấp đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

Hiện tại, Công ty đã có phương án dự phòng trong trường hợp giá trị thị trường của cổ phiếu CMM biến động làm giảm giá trị tài sản bảo đảm. Cụ thể, trong trường hợp giá trị tài sản bảo đảm giảm dẫn đến việc công ty phải bổ sung Tài Sản Bảo Đảm, Công ty dự kiến sử dụng một số tài sản dưới đây chưa được bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào để bổ sung cho tài sản bảo đảm của Trái Phiếu CMXH2326001:

❖ **Cổ phiếu Công ty cổ phần Camimex (CMM) bao gồm:**

▪ **17,435 triệu cổ phiếu CMM sở hữu bởi các Bên Bảo Đảm của Trái Phiếu CMXH2326001**

Căn cứ Điều 2.1 của các hợp đồng thế chấp ký ngày 17/04/2023, Tài Sản Bảo Đảm của Trái Phiếu CMXH2326001 sẽ bao gồm:

(a) *Cổ Phiếu Thế Chấp và*

(b) *Các Tài Sản Hình Thành Trong Tương Lai gồm:*

(i) *tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Bên Thế Chấp có trong và liên quan đến Cổ Phiếu Thế Chấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở, **quyền nhận cổ tức và nhận các khoản phân phối khác và việc phát hành bất kỳ chứng khoán nào bổ sung hoặc thay thế cho, hoặc bất kỳ lợi ích nào khác theo hoặc liên quan đến Cổ Phiếu Thế Chấp;** và*

(ii) *các khoản tiền thu được từ Cổ Phiếu Thế Chấp, bao gồm nhưng không giới hạn ở quyền nhận các khoản tiền thu được, từ bất kỳ việc bán, chuyển nhượng, chuyển giao, góp vốn hoặc bất kỳ việc thanh lý nào khác của bất kỳ Cổ Phiếu Thế Chấp nào trong suốt Thời Hạn Bảo Đảm”*

Ngoài ra tại Điều 2.4 (c) của các Hợp đồng thế chấp ký ngày 17/04/2023, quy định về việc đăng ký giao dịch bảo đảm như sau:

“Nếu bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào là các Tài Sản Hình Thành Trong Tương Lai, sau khi các tài sản tương lai đó được hình thành, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt và vì lợi ích của Người sở hữu Trái phiếu) sẽ phối hợp với Bên Thế chấp và/hoặc Tổ Chức Phát Hành để thực hiện phong tỏa bổ sung, đăng ký Biện Pháp Bảo Đảm đối với Tài Sản Hình Thành Trong Tương Lai này tại VSD hoặc Cơ Quan Đăng Ký Biện Pháp Bảo Đảm khác (tùy trường hợp áp dụng) theo quy định của pháp luật từng thời kỳ”

Mặt khác, Công ty cổ phần Camimex (CMM) vừa hoàn thành việc tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ thực hiện 2: 1 tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền là ngày 18/07/2023.

Như vậy, các Bên Bảo Đảm của Trái Phiếu CMXH2326001 sẽ được nhận thêm 17,435 triệu cổ phiếu CMM và sẽ được đăng ký giao dịch bảo đảm bổ sung cho Trái Phiếu CMXH2326001 theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

▪ **25,5 triệu cổ phiếu CMM sở hữu bởi Công ty cổ phần Camimex Group**

Số lượng 25,5 triệu cổ phiếu CMM sở hữu bởi Công ty cổ phần Camimex Group đang được đăng ký giao dịch bảo đảm cho trái phiếu Công ty cổ phần Camimex Group phát hành năm 2021 (giá trị phát hành 100 tỷ đồng). Dự kiến, số lượng cổ phiếu này sẽ được giải tỏa vào ngày 22/10/2023 khi Trái Phiếu phát hành năm 2021 đáo hạn. (Tại ngày phát hành, Công ty cổ phần Camimex Group thế chấp 15.000.000 cổ phiếu CMM, nhưng sau khi bổ sung và rút bớt tài sản bảo đảm. Hiện tại, Công ty cổ phần Camimex Group đang thế chấp 17.000.000 cổ phiếu CMM. Ngoài ra, Công ty cổ phần Camimex Group cũng nhận được 8.500.000 cổ phiếu CMM do CMM phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu 2:1)

❖ **Cổ phiếu Công ty cổ phần Camimex Group (CMX) sở hữu bởi ông Bùi Đức Cường- thành viên HĐQT Công ty cổ phần Camimex Group.**

Ông Bùi Đức Cường đã có văn bản số 09/2023/CV-BĐ ngày 14/09/2023 về việc cam kết sẽ bổ sung tài sản bảo đảm là 4,4 triệu cổ phiếu CMM để bảo đảm cho nghĩa vụ của trái phiếu CMXH2326001 trong trường hợp cần phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm.

Như vậy, tổng giá trị thị trường các cổ phiếu nêu trên tại ngày 14/9/2023 trị giá 346,77 tỷ đồng (Giá trị này được tính toán dựa trên giá bình quân CMM tại ngày 14/9/2023 là 6.970 đồng/cổ phiếu và giá đóng cửa CMX tại ngày 14/09/2023 là 10.800 đồng/cổ phiếu).

❖ **Nguồn lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Camimex Group.**

❖ **Tài sản khác sở hữu bởi Công ty cổ phần Camimex Foods (công ty con của Camimex Group)**

- Công trình nhà xưởng Foods, văn phòng giao dịch Foods, máy móc thiết bị mà tham gia mua đấu giá và mua lại tại 969 Lý Thường Kiệt, P6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau với giá trị sổ sách là 66.762.572.126 đồng.

Các tài sản trên được ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định trên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty cổ phần Camimex Group như sau:

- Giá trị công trình nhà xưởng Foods ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2023 là 21.388.248.543 đồng.
- Giá trị văn phòng giao dịch Foods ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2023 là 18.207.940.000 đồng.
- Giá trị còn lại của máy móc thiết bị ghi nhận tại khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 là 1.657.582.137 đồng.

- Giá trị còn lại của nhà cửa vật kiến trúc ghi nhận tại khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 là 10.287.842.703 đồng.
- Giá trị còn lại của thiết bị quản lý ghi nhận tại khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 là 1.215.686.652 đồng.
- Giá trị còn lại của phương tiện vận tải ghi nhận tại khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 là 14.005.272.091 đồng.
- Công trình trên đất tại 999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP. Cà Mau (nhà xưởng xí nghiệp 5) với giá trị sổ sách là 155.370.532.896 đồng đang làm thủ tục hoàn công. Các tài sản trên được ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định tại Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét của Công ty cổ phần Camimex Group, cụ thể như sau:
 - Giá trị công trình sửa chữa xí nghiệp 5 ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2023 là 7.492.033.611 đồng.
 - Giá trị công trình hệ thống xử lý nước thải xí nghiệp 5 ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2023 là 22.494.312.000 đồng.
 - Giá trị còn lại của nhà cửa vật kiến trúc ghi nhận tại khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 là 76.011.927.229 đồng.
 - Giá trị còn lại của máy móc thiết bị ghi nhận tại khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 là 49.372.260.056 đồng.

Chi tiết các nội dung về tài sản bảo đảm, cam kết bảo đảm, phương án xử lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ được quy định chi tiết tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu kèm theo Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Hợp đồng Bảo Đảm theo định nghĩa tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu. Phương thức bảo đảm đối với Các Tài Sản Bảo Đảm nêu trên: Các Tài Sản Bảo Đảm nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Lưu ký và Chứng khoán Việt Nam.

15. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

15.1. Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký Chuyên Nhượng, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:
 - (i) Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") đến Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**"), Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký

Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;

- (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
 - (iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại (“**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**”) đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào.
- (b) Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSD và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

15.2. Mua lại Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm

Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Giá Mua Lại của Trái Phiếu được xác định theo công thức tính Giá Mua Lại của Trái Phiếu trong trường hợp mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành.

16. Sự kiện vi phạm

16.1. Sự kiện vi phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây được gọi là “Sự Kiện Vi Phạm”

- (a) *Vi phạm Tỷ lệ Bảo Đảm*: Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm không thực hiện bổ sung Tài Sản Bảo Đảm theo đúng quy định tại Điều 4.3(c) Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- (b) *Không Thanh Toán*: Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền gốc hoặc tiền lãi nào của bất kỳ Trái Phiếu nào vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền gốc hoặc tiền lãi đó; và vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn;
- (c) *Vi Phạm Mục Đích Phát Hành*: Tổ Chức Phát Hành vi phạm mục đích phát hành Trái Phiếu nêu tại phần có tiêu đề “Mục đích của đợt phát hành” của Bản Cáo Bạch;

- (d) *Vi Phạm quy định pháp luật về phát hành Trái Phiếu:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật áp dụng đối với việc phát hành Trái Phiếu làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu và các quyền lợi khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc từ cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền liên quan đến vi phạm đó;
- (e) *Vi Phạm Các Nghĩa Vụ Khác:* Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đảm vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm về vi phạm đó (để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đảm cũng bị coi là vi phạm Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào nếu có bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc khẳng định nào của Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đảm trong Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu có cơ sở xác định, chứng minh là không trung thực, không chính xác hoặc gây nhầm lẫn vào ngày cam đoan, bảo đảm hay khẳng định đó được đưa ra và dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) vi phạm các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu tương ứng);
- (f) *Vi Phạm Chéo:*
- (i) Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào của mình khi đến hạn (hoặc khi kết thúc thời gian ân hạn áp dụng đối với Khoản Nợ đó, nếu có);
 - (ii) có bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Phát Hành bị tuyên bố đến hạn trước ngày đáo hạn đã định do Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghĩa vụ liên quan đến Khoản Nợ đó mà Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đầy đủ Khoản Nợ vào ngày phải trả nợ trước hạn.
- (g) *Mất Khả Năng Thanh Toán:* Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản 9.116.(d) Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành:
- (i) bị mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn của mình;
 - (ii) tiến hành bất kỳ thủ tục nào theo luật phá sản để điều chỉnh lại hoặc trì hoãn bất kỳ nghĩa vụ hoặc phần nghĩa vụ nào của mình liên quan đến toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Phát Hành; hoặc
 - (iii) thực hiện hoặc ký kết bất kỳ cam kết chuyển nhượng hoặc thoả thuận với một hoặc nhiều chủ nợ đối với toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Phát Hành dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán.
- (h) *Phá Sản, Giải Thể:* (i) Đối với Tổ Chức Phát Hành: Khi một tòa án/cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành lệnh hoặc quyết định hoặc bản án về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Phát Hành hoặc khi Tổ Chức Phát Hành tiến hành bất kỳ thủ tục nào để phá sản, thanh lý

hay giải thể chính Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm bị giải thể hoặc thanh lý liên quan đến việc sáp nhập và công ty tồn tại sau sáp nhập sẽ tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ theo Trái Phiếu hoặc nghĩa vụ liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm tương ứng) (gọi tắt là “**Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể**”); (ii) Đối với một Bên Bảo Đảm bất kỳ: Khi có bất kỳ Bên Bảo Đảm nào có Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể và Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được hậu quả của Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể của Bên Bảo Đảm đó hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể.

- (i) *Cưỡng Chế Thực Hiện Nghĩa Vụ*: Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên (hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác có hiệu lực tương tự) đối với (i) trên 50% tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Phát Hành tính theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của kỳ lập báo cáo gần nhất và (ii) việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc thủ tục pháp lý đó không được dỡ bỏ hoặc chấm dứt trong thời hạn 60 (sáu mươi) Ngày Làm Việc kể từ lúc bắt đầu;
- (j) *Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh*: Tổ Chức Phát Hành hoặc một Bên Bảo Đảm bất kỳ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tất cả hoặc phần lớn các hoạt động chính của mình; hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh chính đang được tiến hành vào Ngày Phát Hành hoặc Tổ Chức Phát Hành; hoặc một Bên Bảo Đảm bất kỳ tiến hành bất kỳ hành động nào làm cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm đó ngừng thực hiện công việc kinh doanh chính của mình hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh hoặc làm cho giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ tương đương) của Tổ Chức Phát Hành hoặc của Bên Bảo Đảm đó bị thu hồi hoặc hủy bỏ. Để làm rõ, quy định này không bao gồm các trường hợp không tồn tại do việc thanh lý, phá sản, giải thể quy định tại Điều Khoản 9.1(g) và 9.1(h) Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu. Không trái nội dung điều khoản này, khi một Bên Bảo Đảm bất kỳ có hoặc gây ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh như mô tả bên trên được xem là Sự Kiện Vi Phạm khi Tổ Chức Phát Hành không khắc phục hậu quả của sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm đã được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh này;
- (k) *Bất Hợp Pháp*: Việc Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan là một bên trong Các Hợp Đồng Trái Phiếu đó trở nên bất hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;
- (i) *Cho Phép Và Chấp Thuận*: Tổ Chức Phát Hành không tiến hành hay thực hiện bất kỳ hành động, yêu cầu hoặc thủ tục nào (kể cả việc xin các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép hoặc tiến hành việc đăng ký, thông báo) mà cần phải được tiến hành hoặc thực hiện bởi Tổ Chức Phát Hành để: (i) cho phép Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào một cách hợp pháp và/hoặc (ii) đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào là có tính ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành mà vi phạm này không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận, trong vòng

15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày vi phạm hoặc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm về vi phạm đó.

16.2. Biện pháp xử lý khi có sự kiện vi phạm

- (a) Khi một Sự Kiện Vi Phạm xảy ra: mà Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục trong thời gian quy định về khắc phục Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại từng Sự Kiện Vi Phạm:
- (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
 - (ii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu biết (i) có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (ii) nhận được thông báo theo quy định tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác minh lại thông tin, sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm được đề cập và việc tuyên bố Trái Phiếu đến hạn;
 - (iii) Sau 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mà không khắc phục được vi phạm hoặc nhận được thông báo nhưng không phản hồi hoặc Tổ Chức Phát Hành xác nhận về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành (đồng thời cũng gửi cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và đăng tải trên website của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) để tuyên bố rằng Trái Phiếu ngay lập tức đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại. Trừ trường hợp có cơ sở rõ ràng, đáng tin cậy để xác định Sự Kiện Vi Phạm đã được khắc phục trước khi Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo nêu tại điểm này, các Trái Phiếu sẽ đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Trái Phiếu bị tuyên bố đến hạn ("**Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn**") với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng của 100% mệnh giá Trái Phiếu đó và lãi (kể cả lãi quá hạn) đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó. Nếu Ngày Mua Lại Trước Hạn không phải là một Ngày Làm Việc, Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu vào Ngày Làm Việc ngay sau đó.
- (b) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Trái Phiếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu mua lại theo Điều Khoản 9.2(a) Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
- (c) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình (mà sẽ thông qua Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm) thực hiện việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm không thể thực hiện việc đó theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

17. Phương thức phân phối

- Các Trái Phiếu được bán cho nhà đầu tư thông qua Đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán MB.

Các trách nhiệm của Đại lý phát hành bao gồm các công việc sau:

- ✓ Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư;
 - ✓ Hướng dẫn Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của Công ty;
 - ✓ Cập nhật định kỳ danh sách đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành trong quá trình chào bán.
 - ✓ Hỗ trợ phân phối trái phiếu.
- Bảo lãnh phát hành: Không.

18. Đăng ký mua trái phiếu**18.1. Thời hạn chào bán:**

Sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái phiếu ra công chúng (“Bản Thông báo Phát hành”) theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua trái phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản Thông báo phát hành cho đến ngày kết thúc thời hạn phân phối trái phiếu. Thời gian đăng ký mua Trái phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi ngày).

18.2. Tổng số lượng Trái phiếu chào bán: 3.000.000 (ba triệu) Trái phiếu.**18.3. Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu**

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.000 Trái Phiếu tương đương 100.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*) mệnh giá Trái Phiếu.
- Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 200 Trái Phiếu tương đương 20.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*) mệnh giá Trái Phiếu.

18.4. Phương thức đăng ký mua

Trái phiếu được phân bổ cho nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai. Đại lý phát hành sẽ phân phối trên cơ sở số trái phiếu chào bán và tỷ lệ số trái phiếu đăng ký của từng đối tượng so với tổng số đăng ký theo công thức sau:

$$\text{Số trái phiếu nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số trái phiếu chào bán} \times \text{Số trái phiếu từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số trái phiếu các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Trường hợp, trái phiếu chia theo tỷ lệ bị lẻ đến hàng đơn vị, Đại lý phát hành sẽ cắt bỏ số trái phiếu lẻ đến hàng thập phân của những nhà đầu tư có số lượng đặt mua ít để dồn vào cho nhà đầu tư có số lượng đặt mua cao nhất (ưu tiên số lượng) trong số những người đặt mua; trường hợp có nhiều nhà

đầu tư cùng có khối lượng đặt mua lớn như nhau, thì số lượng trái phiếu lẻ cộng dồn sẽ được phân phối cho nhà đầu tư đăng ký mua sớm hơn (ưu tiên thời gian);

Để tránh nhầm lẫn, việc đăng ký mua Trái phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành và hợp lệ khi nhà đầu tư đăng ký thông qua Đại lý Phát hành và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định, việc đăng ký coi như không có giá trị.

18.5. Phương thức thanh toán

Nhà đầu tư đăng ký và chuyển khoản tiền mua Trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành với thông tin như dưới đây:

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Camimex Group
- Số tài khoản: 070057939433
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Cà Mau.

18.6. Phương thức chuyển giao

Trái Phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký tại VSD.

18.7. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu

- (i) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu theo cách thức và thời hạn như sau:
 - Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành
 - Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.
- (ii) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng tỷ lệ đặt mua của từng Nhà đầu tư. Số tiền thừa do Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư cao hơn so với Trái Phiếu được phân phối sẽ được trả lại cho Nhà Đầu Tư theo cách thức và thời gian như sau:
 - Thời gian: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành
 - Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

Trong trường hợp số lượng Trái Phiếu được phân bổ cho Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu thì Nhà đầu tư vẫn được coi là đã đăng ký mua thành công với số lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.

19. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận chào bán trái phiếu của UBCKNN có hiệu lực	T

TT	Nội dung công việc	Thời gian
2	Công bố thông tin về việc chào bán	Từ T+1 đến T+5
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu: nhà đầu tư bắt đầu đăng ký mua và nộp tiền	Từ T+5 đến T+25
4	Tổ Chức Phát Hành kết thúc nhận đăng ký mua và nộp tiền đăng ký mua Trái Phiếu	T+27
5	Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN và thực hiện CBTT về kết quả phát hành	T+32
6	UBCKNN ra công văn thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng	T+35
7	Tổ Chức Phát Hành cấp Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu cho nhà đầu tư	Từ T+36 đến T+60
8	Tổ Chức Phát Hành hoàn thiện thủ tục niêm yết	T+80

20. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Trái phiếu được tự do chuyển nhượng. Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, toàn bộ Trái phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký với VSD và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội.

21. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Camimex Group
- Số tài khoản: 070057939433
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Cà Mau.

22. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức Phát hành:

Không có.

23. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

(a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

(d) Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSD ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

24. Thông tin về các cam kết

24.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

24.2. Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSD nhưng không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chừng nào còn

bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

25. Địa chỉ đăng ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu được ghi dưới đây:

Công ty cổ phần Camimex Group

Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, Phường 8, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại : (0290) 3831608 – (0290) 3838874

Website : <https://camimex.com.vn/>

Người nhận : Ông Nguyễn Hoàng Nghi

26. Luật điều chỉnh

Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Kế hoạch sử dụng vốn**

Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng tối đa là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ Đồng) sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, cụ thể là thanh toán tiền mua nguyên vật liệu theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

STT	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Công ty TNHH Thương Mại Kim Ngân Phú	140.000	Trong năm 2023-2024
2	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Thiên Mã Quỳnh	110.000	
3	Công ty TNHH Thủy Sản Bùi Ngọc Quyên	50.000	
		300.000	

Các đối tác nêu trên đều là những đối tác truyền thống cung cấp tôm nguyên liệu/bán thành phẩm cho Công ty cổ phần Camimex Group cũng như các công ty con và không phải là bên có liên quan của Công ty cổ phần Camimex Group.

Tại ngày 11/09/2023, giá trị các khoản nợ mà Công ty cổ phần Camimex Group phải trả các đối tác Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú, Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Thiên Mã Quỳnh, Công ty TNHH Thủy Sản Bùi Ngọc Quyên lần lượt là 149.120.000.000 đồng, 117.680.000.000 đồng, 53.560.000.000 đồng.

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, Công ty cổ phần Camimex Group sẽ ưu tiên dùng số vốn thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần nêu trên.

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

2. Kế hoạch trả nợ

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 03 tháng/lần. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- Thanh toán gốc: Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bao gồm (i) nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (ii) các nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn.

Căn cứ theo kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty cổ phần Camimex Group trong vòng 03 năm tới, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ có đủ nguồn tiền để thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi Trái Phiếu trong kỳ hạn Trái phiếu. Dự kiến kế hoạch doanh thu lợi nhuận, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn vay của Tổ Chức Phát Hành như sau:

❖ **Dự kiến về kế hoạch tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn vay của Tổ Chức Phát hành trong giai đoạn 2023-2026**

STT	Nội dung	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2026
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	3.141,2	3.473,8	3.812,8	3.789,9
1	Tiền và tương đương tiền	Tỷ đồng	117,9	202,3	299,2	369,5
II	Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3.141,2	3.473,8	3.812,8	3.789,9
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.497,9	1.636,9	1.870,4	2.176,3
	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	1.019,0	1.019,0	1.019,0	1.019,0
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	500,6	590,6	605,6	302,6
2.1	Vay dài hạn	Tỷ đồng	500,0	590,0	605,0	302,0
	Trong đó: số dư gốc trái phiếu lần này	Tỷ đồng	300	300	300	0 (ii)
2.2	Vay khác	Tỷ đồng	0,6	0,6	0,6	0,6

Ghi chú: (ii) Số dư vay gốc trái phiếu này giảm từ 300 tỷ đồng năm 2025 xuống còn 0 đồng năm 2026 do Tổ Chức Phát Hành dự kiến trả gốc cuối kỳ tại Ngày đáo hạn.

❖ **Dự kiến về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 2023-2026**

Nội dung	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.053,5	3.449,4	4.167,1	4.826,5
Tôm hữu cơ	Tỷ đồng	259,0	295,4	367,6	456,6
Tôm công nghiệp	Tỷ đồng	2.384,9	2.880,3	3.465,8	3.979,7
Cá	Tỷ đồng	92,4	114,8	142,0	168,4
Sản phẩm khác	Tỷ đồng	317,3	158,8	191,7	221,8
Giá vốn hàng bán (trừ chi phí khấu hao)	Tỷ đồng	(2.619,2)	(2.924,2)	(3.499,3)	(4.053,1)
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	434,4	525,2	667,8	773,4
Chi phí bán hàng (trừ chi phí khấu hao)	Tỷ đồng	(117,1)	(112,5)	(110,0)	(123,6)
Chi phí Quản lý doanh nghiệp (trừ chi phí khấu hao)	Tỷ đồng	(57,2)	(59,6)	(61,6)	(63,5)
EBITDA	Tỷ đồng	260,0	353,0	496,2	586,3
Chi phí khấu hao	Tỷ đồng	(85,6)	(117,7)	(146,3)	(159,8)
EBIT	Tỷ đồng	174,4	235,3	349,9	426,5
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	(114,3)	(134,6)	(139,0)	(131,6)
Trong đó chi phí lãi vay (iv)	Tỷ đồng	(52,8)	(72,7)	(77,1)	(69,7)
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	122,5	165,0	277,2	363,1
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	103,0	139,0	233,5	305,9

Ghi chú (iv): Chi phí lãi vay nêu trên đã bao gồm chi phí lãi vay của Trái phiếu lần này. Dự kiến chi phí lãi vay dự kiến phải trả của món Trái phiếu lần này là khoảng 33,6 tỷ đồng mỗi năm.

Như vậy, theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

❖ **Kế hoạch thanh toán nợ chi tiết của Tổ Chức Phát Hành**

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán dự kiến của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể:

Lần thanh toán	Thời điểm	Chi phí lãi TCPH phải trả dự kiến (VNĐ) (v)	Gốc phải trả (VNĐ)
Lần thanh toán thứ 1	03 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 2	06 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 3	09 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 4	12 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 5	15 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 6	18 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 7	21 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 8	24 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 9	27 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 10	30 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 11	33 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	0
Lần thanh toán thứ 12	36 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	300.000.000.000
Tổng cộng		100.800.000.000	300.000.000.000

Ghi chú (v): Chi tiết lãi Tổ Chức Phát Hành phải trả tại từng Ngày Thanh Toán Lãi sẽ được tính toán cụ thể và chính xác dựa trên số ngày dư nợ thực tế trong Kỳ Hạn Trả Lãi đó trên cơ sở 1 năm có 365 ngày.

Thời gian trả nợ: theo quy định tại Điều Kiện 9, Mục VI Bản Cáo Bạch này.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ chức Tư vấn và Đại Lý Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website: www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 và 2022 được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 được soát xét bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Cần

15-13 đường Võ Nguyên Giáp, quận Cái Răng, thành phố

Thơ:

Cần Thơ

Điện thoại:

(0292) 376 4995

Website:

www.a-c.com.vn

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty cổ phần Camimex Group và đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty cổ phần Chứng Khoán MB có một số nhận định như sau:

Công ty cổ phần Camimex Group phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 300 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu 3 năm, có tài sản bảo đảm, lãi suất cố định 11,2%/năm với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc phát hành trái phiếu từ đợt phát hành này là cần thiết phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của công ty và mang tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Cà Mau, ngày 18 tháng 12 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MB
Phó Tổng Giám đốc



Lê Thành Nam

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CAMIMEX GROUP
Chủ tịch HĐQT



Bùi Sĩ Tuấn

Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Tấn

Kế toán trưởng

Huỳnh Công Nhân

XI. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2006 và thay đổi lần thứ 20 ngày 22 tháng 08 năm 2022.
2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01.1704/NQ.HĐQT.CMG.23 ngày 17/04/2023 về việc thông qua toàn văn phương án phát hành trái phiếu ra công chúng và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0707/NQ.HĐQT.CMG.23 ngày 07/07/2023 về việc bổ sung, chỉnh sửa Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01.1704/NQ.HĐQT.CMG.23 ngày 17/04/2023.
3. Điều lệ công ty
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán.
5. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất bán niên năm 2023 đã được soát xét.
6. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
7. Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01/2023/BHA/CMX-MBS ngày 17/04/2023 đính kèm Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu.
8. Hợp Đồng Quản lý Tài Sản Bảo Đảm số 02/2023/QLTS/MBS-CMX ngày 17/04/2023.